|  |  |
| --- | --- |
| BỘ TƯ PHÁP | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 7607/TCBC-BTP | *Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024* |

**THÔNG CÁO BÁO CHÍ**

**Văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**

**ban hành trong tháng 12 năm 2024**

Thực hiện khoản 2, khoản 3 Điều 12 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 và Thông tư số 07/2021/TT-BTP ngày 01/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về quy định việc ban hành thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ Chính phủ ban hành, Bộ Tư pháp ra Thông cáo báo chí về một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 12 năm 2024, cụ thể như sau:

**I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH**

Trong tháng 12 năm 2024, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 31 văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

**Các Nghị định của Chính phủ:**

1. Nghị định số 155/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn;

2. Nghị định số 156/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về đấu giá biển số xe;

3. Nghị định số 157/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường;

4. Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;

5. Nghị định số 159/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

6. Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe;

7. Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ [quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ](https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=212127&classid=1&typegroupid=4);

8. Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

9. Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

10. Nghị định số 164/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra Công an nhân dân;

11. Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

12. Nghị định số 166/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới;

13. Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ;

14. Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe;

15. Nghị định số 169/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động của Ủy ban nhân dân phường của thành phố Hà Nội;

16. Nghị định số 170/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng;

17. Nghị định số 171/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 166/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài;

18. Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

19. Nghị định số 173/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ bãi bỏ một phần Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện và bãi bỏ Nghị định số 43/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh của Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 hướng dẫn thi hành Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện;

20. Nghị định số 174/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm;

20. Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

21. Nghị định số 176/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng kinh phí thu từ xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và đấu giá biển số xe sau khi nộp vào ngân sách nhà nước;

22. Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng;

23. Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

24. Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;

25. Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội;

26. Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội;

27. Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư.

**Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:**

1. Quyết định số 23/2024/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về phân cấp thẩm quyền và trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đô thị, Quy hoạch xây dựng khu chức năng do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

2. Quyết định số 24/2024/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá về nông nghiệp, nông dân và nông thôn;

3. Quyết định số 25/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một phần, toàn bộ một số Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thuộc lĩnh vực tài chính đất đai;

4. Quyết định số 26/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong việc ký kết văn kiện nhân danh Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

**II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

Trên cơ sở thông tin do các bộ, cơ quan ngang bộ cung cấp[[1]](#footnote-1), Bộ Tư pháp thông tin về hiệu lực thi hành, sự cần thiết, mục đích ban hành và nội dung chủ yếu của 18 văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 12 năm 2024 như sau:

**1. Nghị định số 156/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về đấu giá biển số xe**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Nghị định số 39/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Nghị quyết số 73/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về thí điểm đấu giá biển số xe ô tô hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 28 Nghị định này.

Việc đấu giá biển số xe ô tô được thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và đã được cấp Quyết định xác nhận biển số xe trúng đấu giá thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 39/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Nghị quyết số 73/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về thí điểm đấu giá biển số xe ô tô; trường hợp chưa được cấp Quyết định xác nhận biển số xe trúng đấu giá thi tiếp tục thực hiện theo Nghị định số 39/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ và quy định tại điểm d khoản 1 Điều 38 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở pháp lý: Ngày 27/6/2024, Quốc hội thông qua Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, có hiệu lực từ ngày 01/01/2025. Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 đã giao Chính phủ quy định chi tiết Điều 37, Điều 38 về đấu giá biển số xe. Đồng thời, Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Công an chủ trì phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan xây dựng Nghị định quy định về đấu giá biển số xe.

+ Cơ sở thực tiễn: Nghị quyết số 73/2022/QH15 của Quốc hội, Nghị định số 39/2023/NĐ-CP ngày 26/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Nghị quyết số 73/2022/QH15 được ban hành đã tạo tiền đề, cơ sở pháp lý quan trọng trong việc triển khai thực hiện công tác đấu giá biển số xe. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả khả quan nêu trên, quá trình thực thi pháp luật cho thấy vẫn còn có những vướng mắc như sau:

(i) Theo quy định của Nghị quyết số 73/2022/QH15, trong trường hợp chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá, một người tham gia đấu giá, một người trả giá thì: “Khi hết thời hạn đăng ký tham gia mà chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá hoặc có nhiều người đăng ký tham gia đấu giá nhưng chỉ có một người tham gia đấu giá hoặc có nhiều người tham gia đấu giá nhưng chỉ có một người trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm của một biển số xe ô tô đưa ra đấu giá thì biển số xe ô tô đưa ra đấu giá được chuyển nhượng cho người đó.” Thực tiễn, có một số trường hợp chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá, nhưng người đó không chấp nhận kết quả trúng đấu giá theo quy định vì cho rằng: Pháp luật chỉ quy định “được chuyển nhượng cho người đó” được hiểu là khách hàng được nhận chuyển nhượng, không bắt buộc phải nhận.

(ii) Hiện tại, xuất hiện tình trạng một số người đăng ký tham gia đấu giá biển số xe ô tô nhằm mục đích mua đi, bán lại, bán không được thì bỏ cọc, nhất là đối với những biển số “đẹp”, dễ nhớ, buộc phải tổ chức đấu giá lại gây mất nhiều chi phí, công sức của tổ chức đấu giá và cơ quan quản lý nhà nước, đồng thời làm mất đi cơ hội của những người có nhu cầu chính đáng muốn sở hữu những biển số đó, gây nhiễu loạn các cuộc đấu giá (tính đến nay, đã có 738 lượt biển số bỏ cọc với số tiền lên đến 862 tỷ đồng).

(iii) Việc xử lý tiền đặt trước hiện nay đang kế thừa các quy định tại Điều 39 Luật Đấu giá tài sản. Tuy nhiên, thực tế triển khai thực hiện thí điểm hoạt động đấu giá, việc xác định các trường hợp khách hàng vi phạm quy chế, hoặc có hành vi gây cản trở hoạt động đấu giá là rất khó khăn, đặc biệt là đối với các trường hợp gây cản trở hoạt động đấu giá bằng các hành vi sử dụng công cụ hỗ trợ, công nghệ cao không có quy định xử lý và xử lý tiền đặt trước. Do đó, cần bổ sung một số quy định về xử lý tiền đặt trước vào dự thảo Nghị định nhằm bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế.

(iv) Việc quy định nộp tiền trúng đấu giá trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có thông báo kết quả đấu giá như hiện nay, qua quá trình thực hiện cho thấy thời hạn trên là quá ngắn, chưa tạo điều kiện tốt nhất cho người trúng đấu giá, đặc biệt đối với những người tham gia đấu giá ở một số vùng có điều kiện hạ tầng viễn thông chưa cao, sóng di động 3G, 4G còn kém hoặc những người tham gia đấu giá các biển số có giá trúng đấu giá cao.

(v) Qua thực tế triển khai thực hiện công tác đấu giá trực tuyến toàn trình lần đầu tiên đối với biển số xe ô tô như hiện nay, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản rất khó để xác định mức chi phí thực tế cho một biển số và các chi phí khác về đầu tư, bảo trì hệ thống đấu giá trực tuyến khi mỗi biển số lại có số lượng khách hàng đăng ký tham gia khác nhau, các chi phí thông báo bằng tin nhắn (sms), thư điện tử (email), hỗ trợ qua tổng đài cho các khách hàng đăng ký tham gia đấu giá, hạ tầng lưu trữ dữ liệu khách hàng, cuộc đấu giá…

- Mục đích ban hành:

+ Quy định chi tiết Điều 37, Điều 38 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

+ Đảm bảo công khai, minh bạch, nhanh chóng, đúng quy định của pháp luật và mọi người dân đều có quyền bình đẳng trong việc lựa chọn biển số xe để tham gia đấu giá.

+ Khai thác có hiệu quả tài sản công là biển số xe, tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước từ đấu giá biển số xe; đầu tư hệ thống cơ sở vật chất cho công tác đăng ký, cấp biển số hiện nay để có thể số hóa hoàn toàn hệ thống đăng ký xe phục vụ công tác quản lý nhà nước; cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp.

**c) Nội dung chủ yếu:** Nghị định gồm 04 Chương, 28 Điềuquy định về đấu giá biển số xe, cụ thể như sau:

- Phạm vi điều chỉnh:Nghị định này quy định chi tiết Điều 37 và Điều 38 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 về đấu giá biển số xe, bao gồm biển số xe đưa ra đấu giá, giá khởi điểm, tiền đặt trước, bước giá, tiền bán hồ sơ, hình thức, phương thức, trình tự, thủ tục đấu giá biển số xe, quyền và nghĩa vụ của người trúng đấu giá biển số xe, thu, nộp, xử lý tiền đặt trước, hoàn tiền trúng đấu giá.

- Đối tượng áp dụng: Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, đấu giá viên được lựa chọn để đấu giá biển số xe; Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

*Nội dung chủ yếu của Nghị định*

+ Chương I (Quy định chung) gồm 08 điều, từ Điều 1 đến Điều 8, quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; hình thức, phương thức đấu giá; biển số xe đưa ra đấu giá; giá khởi điểm của một biển số xe đưa ra đấu giá; tiền đặt trước, bước giá; tiền hồ sơ, xử lý tiền hồ sơ tham gia đấu giá (quy định mức tiền hồ sơ tham gia đấu giá là 100 nghìn đồng/ 01 biển số xe ô tô và 50 nghìn đồng/01 biển số xe mô tô, xe gắn máy đối với một người tham gia đấu giá). Trong đó, quy định nguyên tắc đấu giá biển số xe được thực hiện bằng hình thức trực tuyến trên môi trường mạng, tuân thủ quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, an toàn an ninh mạng.

+Chương II (Trình tự, thủ tục đấu giá biển số xe) gồm 15 điều, từ Điều 9 đến Điều 23, quy định về lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản; hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, giá dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá thanh toán cho tổ chức đấu giá; kế hoạch tổ chức đấu giá; quy chế đấu giá; niêm yết, thông báo công khai việc đấu giá tài sản; điều kiện đăng ký tham gia đấu giá; các bước thực hiện đấu giá biển số xe; trường hợp dừng cuộc đấu giá, truất quyền tham gia đấu giá và xử lý tình huống phát sinh; niêm yết và chuyển kết quả đấu giá; phê duyệt kết quả trúng đấu giá; thông báo kết quả trúng đấu giá; nộp tiền trúng đấu giá; cấp quyết định xác nhận biển số xe trúng đấu giá; huỷ kết quả đấu giá; quản lý biển số xe trúng đấu giá; gia hạn thời hạn đăng ký xe trong trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

+ Chương III (Thu, nộp, xử lý tiền đặt trước, hoàn tiền trúng đấu giá) gồm 3 điều, từ Điều 24 đến Điều 26, quy định về thu, nộp, hoàn tiền trúng đấu giá và chi phục vụ hoạt động đấu giá trước khi nộp ngân sách nhà nước; xử lý tiền đặt trước; hoàn tiền trúng đấu giá.

+ Chương IV (Hiệu lực thi hành) gồm 02 điều, từ Điều 27 đến Điều 28, quy định về tổ chức thực hiện, hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp.

**2. Nghị định số 157/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 12 năm 2024.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

Thực hiện Đề án 19/ĐA-BCA ngày 10/7/2023 của Bộ Công an tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong của Công an đơn vị, địa phương tinh, gọn mạnh trong đó sáp nhập “Phòng Cảnh sát môi trường” vào “Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu” thành “Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường”, tuy nhiên, chức danh Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường chưa được bổ sung thẩm quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu, đồ vật liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm; kiểm tra phương tiện, đồ vật, địa điểm có liên quan đến tội phạm và vi phạm hành chính về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm, dẫn đến những khó khăn, hạn chế trong quá trình đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm.

**c) Nội dung chủ yếu:** Nghị định gồm 03 Điềusửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường, cụ thể như sau:

- Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6 như sau:

“3. Thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, đồ vật; yêu cầu giải trình về những hành vi có dấu hiệu tội phạm, vi phạm hành chính:

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường;
2. Giám đốc Công an cấp tỉnh;
3. Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường Công an cấp tỉnh;
4. Trưởng Công an cấp huyện.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 như sau:

“2. Thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra:

a) Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường;

b) Giám đốc Công an cấp tỉnh;

c) Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường Công an cấp tỉnh;

d) Trưởng Công an cấp huyện”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra:

a) Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường;

b) Giám đốc Công an cấp tỉnh;

c) Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường Công an cấp tỉnh;

d) Trưởng Công an cấp huyện.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 6; khoản 2 Điều 7; khoản 2 Điều 8 của Nghị định này có thể ủy quyền cho cấp phó thực hiện thẩm quyền của mình”.

- Điều 2: Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, khoản, điều tại Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường, cụ thể: Thay thế cụm từ “lực lượng Cảnh sát môi trường”, “Cảnh sát môi trường” bằng cụm từ “lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường”; bãi bỏ khoản 2 Điều 9.

- Điều 3: Hiệu lực thi hành.

**3. Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Nghị định này bãi bỏ các nghị định sau: Nghị định số [10/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-thong-Van-tai/Nghi-dinh-10-2020-ND-CP-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx" \t "_blank) ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Nghị định số [119/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-119-2021-nd-cp-trinh-tu-cap-thu-hoi-giay-phep-van-tai-duong-bo-qua-bien-gioi-499123.aspx" \t "_blank) ngày 24/11/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; Nghị định số [47/2022/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-dinh-47-2022-ND-CP-sua-doi-Nghi-dinh-10-2020-ND-CP-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-522482.aspx" \t "_blank) ngày 19/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [10/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-thong-Van-tai/Nghi-dinh-10-2020-ND-CP-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx" \t "_blank) ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Điều 2, Điều 3 Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

- Các đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nếu chưa đủ điều kiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định này thì phải thực hiện cấp lại trước ngày 01 tháng 01 năm 2026.

- Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có Giấy phép kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trước ngày Cam kết gia nhập WTO của Việt Nam có hiệu lực, trong đó có ngành nghề kinh doanh vận tải đường bộ được tiếp tục tham gia hoạt động kinh doanh vận tải theo giấy phép kinh doanh đã được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực.

- Quy định việc chuyển tiếp về cấp và sử dụng phù hiệu đối với xe ô tô kinh doanh vận tải

+ Đối với xe tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, xe tải, xe công-ten-nơ, xe đầu kéo, xe hợp đồng đã được cấp phù hiệu trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành không phải thực hiện cấp lại cho đến khi hết hiệu lực hoặc đến khi thực hiện cấp lại;

+ Trường hợp xe ô tô có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái xe) đã được cấp phù hiệu xe hợp đồng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành (sử dụng phần mềm tính tiền quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định này) nếu có nhu cầu thực hiện theo loại hình xe taxi phải thực hiện cấp lại phù hiệu xe taxi để hoạt động kinh doanh theo quy định.

- Các xe ô tô buýt hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 của Nghị định này được phép hoạt động đến khi hết niên hạn sử dụng theo quy định.

- Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ của lái xe kinh doanh vận tải được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực được phép sử dụng cho đến khi hết hiệu lực hoặc đến khi thực hiện cấp lại.

- Biển hiệu “XE Ô TÔ VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH” đã cấp cho phương tiện của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành theo quy định của Nghị định số [10/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-thong-Van-tai/Nghi-dinh-10-2020-ND-CP-kinh-doanh-va-dieu-kien-kinh-doanh-van-tai-bang-xe-o-to-315260.aspx" \t "_blank) ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, Nghị định số [168/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-dinh-168-2017-ND-CP-huong-dan-Luat-du-lich-356282.aspx" \t "_blank) ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của [Luật Du lịch](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Luat-du-lich-2017-322936.aspx" \t "_blank) còn giá trị sử dụng thì được tiếp tục sử dụng cho đến khi hết giá trị sử dụng ghi trên biển hiệu hoặc đến khi thực hiện cấp lại.

- Các đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải trước ngày Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này được tiếp tục hoạt động đến hết ngày 31/12/2025, kể từ ngày 01/01/2026 phải đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này.

- Đơn vị kinh doanh vận tải sử dụng xe ô tô tham gia hoạt động thí điểm dịch vụ vận chuyển hành khách du lịch trong các đô thị bằng xe ô tô thoáng nóc, hoạt động thí điểm dịch vụ vận chuyển hành khách kết nối trung tâm đô thị và trung tâm du lịch đến cảng hàng không bằng xe ô tô đã thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực được hoạt động theo tuyến xe buýt kể từ ngày 01/01/2025. Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện quản lý tuyến xe buýt và hoàn thành việc cấp phù hiệu “XE BUÝT” cho các phương tiện đã tham gia thí điểm (phương tiện tham gia thí điểm trước ngày 01/01/2025) xong trước ngày 01/3/2025.

- Đơn vị, hộ kinh doanh sử dụng xe bốn bánh có gắn động cơ tham gia hoạt động thí điểm trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục hoạt động đến hết ngày 30/6/2025, kể từ ngày 01/7/2025 phải đáp ứng quy định của Nghị định này.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

**Luật Đường bộ và Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ đã được Quốc hội thông qua ngày 27/6/2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27/7/2024 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 7, trong đó đã giao nhiệm vụ cho Bộ GTVT xây dựng dự thảo Nghị định quy định về hoạt động vận tải đường bộ để quy định chi tiết khoản 14 Điều 56 Luật Đường bộ.**

**Việc xây dựng Nghị định quy về hoạt động vận tải đường bộ là cần thiết, đảm bảo thực hiện Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Luật Đường bộ và kịp thời khắc phục một số nội dung hạn chế sau khi thực hiện Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, Nghị định số 119/2021/NĐCP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới, Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19/07/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, Nghị định số 41/2024/NĐCP ngày 16/04/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái.**

**c) Nội dung chủ yếu:** Nghị định gồm 5 Chương, 78 Điều và 13 Phụ lụcquy định về hoạt động vận tải đường bộ, cụ thể như sau:

- Chương I: Quy định chung từ Điều 1 đến Điều 3;

- Chương II: Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong nước gồm từ Điều 4 đến Điều 27;

- Chương III: Quy định về hoạt động vận tải đường bộ quốc tế gồm từ Điều 28 đến Điều 63;

- Chương IV: Tổ chức thực hiện gồm từ Điều 64 đến Điều 75;

- Chương V: Điều khoản thi hành gồm từ Điều 76 đến Điều 78.

- Các Phụ lục bao gồm:

+ Phụ lục I: Mẫu giấy đề nghị cấp (cấp lại) giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

+ Phụ lục II: Mẫu giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ;

+ Phụ lục III: Mẫu đăng ký khai thác tuyến;

+ Phụ lục IV: Mẫu thông báo đơn vị đăng ký khai thác tuyến thành công;

+ Phụ lục V: Mẫu giấy đề nghị cấp (cấp lại) phù hiệu;

+ Phụ lục VI: Mẫu giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ;

+ Phụ lục VII: Các biểu mẫu liên quan đến cấp, cấp lại giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN và giấy phép liên vận ASEAN;

+ Phụ lục VIII: Các biểu mẫu liên quan đến cấp, cấp lại giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS và giấy phép liên vận GMS;

+ Phụ lục IX: Các biểu mẫu liên quan đến cấp, cấp lại giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

+ Phụ lục X: Các biểu mẫu liên quan đến cấp, cấp lại giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Trung Quốc;

+ Phụ lục XI: Các biểu mẫu liên quan đến cấp, cấp lại giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào;

+ Phụ lục XII: Các biểu mẫu liên quan đến cấp, cấp lại giấy phép vận tải đường bộ quốc tế và giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia;

+ Phụ lục XIII: Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải, xe bốn bánh có gắn động cơ, các cụm từ niêm yết trên xe.

- Phạm vi điều chỉnh:

Nghị định này quy định về kinh doanh, điều kiện kinh doanh và việc cấp, thu hồi Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ; cấp, thu hồi phù hiệu; hoạt động vận tải nội bộ bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ; trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ quốc tế, giấy phép liên vận cho đơn vị kinh doanh vận tải và phương tiện; gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của nước ngoài tại Việt Nam tham gia vận chuyển người, hàng hóa giữa Việt Nam với các nước theo các Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Đối tượng áp dụng:

+ Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh hoặc liên quan đến hoạt động vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ; hoạt động vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam với các nước theo quy định của các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

+ Nghị định này không áp dụng đối với các đối tượng được miễn giấy phép theo quy định của các điều ước quốc tế về vận tải đường bộ qua biên giới mà Việt Nam là thành viên.

*Nội dung cơ bản của Nghị định*

- Bổ sung quy định về quản lý đối loại hình kinh doanh vận tải bằng xe bốn bánh có gắn động cơ tại Điều 9, Điều 10 Nghị định này. Nội dung này kế thừa theo kết quả tổng kết công tác thí điểm hoạt động xe bốn bánh có gắn động cơ trong khu vực hạn chế trên địa bàn 35 địa phương (đang có hoạt động thí điểm); đồng thời kế thừa quy định tại Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế.

Nội dung này, Sở GTVT lưu ý hướng dẫn triển khai theo quy định chuyển tiếp tại khoản 9 Điều 76: *“9. Đơn vị, hộ kinh doanh sử dụng xe bốn bánh có gắn động cơ tham gia hoạt động thí điểm trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục hoạt động đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025, kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 phải đáp ứng quy định của Nghị định này.”.*

- Bổ sung quy định đối với hoạt động vận tải nội bộ bằng xe ô tô, vận tải nội bộ bằng xe bốn bánh có gắn động cơ tại Mục 5 Chương II của Nghị định nhằm thực hiện quy định tại khoản 2, khoản 5, khoản 12 Điều 56 và khoản 14 Điều 56 Luật Đường bộ. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ GTVT xây dựng Nghị định quy định về hoạt động vận tải đường bộ để phù hợp quy định chi tiết Điều 56 Luật Đường bộ đối với hoạt động vận tải nội bộ.

- Sửa đổi quy định đối với đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận chuyển trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên, cán bộ công nhân viên đi học, đi làm việc (xe ô tô kinh doanh vận tải chở trẻ em mầm non, học sinh; xe ô tô kinh doanh vận tải kết hợp với hoạt động đưa đón trẻ em mầm non, học sinh thực hiện theo quy định của Nghị định này và theo quy định của Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024).

- Không quy định về thiết bị giám sát hành trình của xe (bỏ Điều 12 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2024 của Chính phủ) do căn cứ theo Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ thì nội dung này đã chuyển sang quy định tại Điều 27, Điều 28 và Điều 29 Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

**4. Nghị định số 159/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 02 tháng 02 năm 2025.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

*Cơ sở chính trị, pháp lý*

+ Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả có nêu nhiệm vụ, giải pháp:“rà soát, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của từng cơ quan, tổ chức bảo đảm khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị”.

+ Kết luận số 62-KL/TW, ngày 2/10/2023 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn có nêu nhiệm vụ, giải pháp:“Kịp thời phát hiện, nhân rộng mô hình đơn vị sự nghiệp công lập điển hình, có cách làm năng động, sáng tạo, hiệu quả”; “Quan tâm rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật, bảo đảm khuôn khổ pháp lý đầy đủ, đồng bộ, khả thi, đáp ứng yêu cầu thực hiện Nghị quyết 19 gắn với các chủ trương của Đảng có liên quan, nhất là về tổ chức bộ máy, tiêu chí và điều kiện sắp xếp, nhân lực và cơ cấu đội ngũ, chế độ, chính sách”.

+ Kết luận số 61-KL/TW ngày 17/8/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 08/3/2024 của Chính phủ về Ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 61-KL/TW, có yêu cầu: “Khẩn trương rà soát, thể chế hoá đầy đủ, kịp thời, đồng bộ chủ trương của Đảng về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng bền vững; hoàn thiện pháp luật về lâm nghiệp bảo đảm đáp ứng được yêu cầu quản lý, bảo vệ, phát triển rừng”; “Nghiên cứu có cơ chế, chính sách cụ thể, đủ mạnh để quản lý hiệu quả rừng đặc dụng, rừng phòng hộ”; “Tiếp tục sắp xếp tổ chức, bộ máy, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lâm nghiệp, nhất là lực lượng được giao nhiệm vụ trực tiếp, các địa phương có diện tích rừng lớn đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ”; “Bảo đảm điều kiện cần thiết cho hoạt động của kiểm lâm, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách, xây dựng lực lượng chuyên ngành về phòng cháy, chữa cháy rừng; có chính sách đặc thù để thu hút cán bộ làm công tác lâm nghiệp”.

+ Kết luận số 83-KL/TW ngày 21/6/2024 của Bộ Chính trị về cải cách tiền lương; điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 01/7/2024 có yêu cầu:“nghiên cứu đánh giá sự phù hợp, tính khả thi và đề xuất việc thực hiện 5 bảng lương và 9 chế độ phụ cấp mới của khu vực công cho phù hợp để trình Trung ương xem xét sau năm 2026 khi Bộ Chính trị ban hành và triển khai thực hiện hệ thống Danh mục vị trí việc làm trong hệ thống chính trị”.

+ Kiến nghị tại Báo cáo số 135-CP ngày 10/4/2024 của Chính phủ về kết quả thực hiện Nghị quyết số 110/2023/QH15, Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV về xem xét, xử lý kết quả rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan.

*Cơ sở pháp lý*

+ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 giao Chính phủ quy định chi tiết tại các Điều 41 Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng, Điều 104 Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm lâm, Điều 105 Tổ chức Kiểm lâm và Điều 106 Trang bị bảo đảm hoạt động và chế độ, chính sách đối với Kiểm lâm.

+ Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 Ưu đãi người có công với cách mạng.

+ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang bộ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020.

+ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 quy định Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về lâm nghiệp. Do vậy, cần quy định, bổ sung nhiệm vụ về phát triển rừng, sử dụng rừng đối với Chi cục Kiểm lâm cho phù hợp với Nghị định số 24/2014/NĐ-CP, Nghị định số 107/2020/NĐ-CP.

+ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.

+ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

+- Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quy định cơ quan Kiểm lâm có trách nhiệm quản lý, kiểm tra, cấp mã số, xử lý vi phạm trong lĩnh vực quản lý thực vật rừng, động vật rừng.

+ Khoản 1 Điều 27 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định về Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 quy định cơ quan Kiểm lâm có trách nhiệm: “Xây dựng và quản lý, vận hành Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp”; “xác nhận gỗ xuất khẩu; tổ chức phân loại doanh nghiệp”; “kiểm tra, giám sát” việc thực hiện quy định của pháp luật về quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam; do vậy cần sửa đổi bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho thống nhất đồng bộ với Nghị định số 102/2020/NĐ-CP.

+ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

+ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; trong đó tổ chức lại Tổng cục Lâm nghiệp thành 2 Cục là Cục Lâm nghiệp và Cục Kiểm lâm, theo đó chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Cục Kiểm lâm có một số thay đổi, do vậy cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Nghị định số 105/2022/NĐ-CP.

+ Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định viên chức Kiểm lâm có thẩm quyền “lập biên bản vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý”.

+ Điểm e khoản 2 Điều 71 Nghị định số 45/2022NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường quy định “Công chức, viên chức thuộc Ban quản lý rừng, Ban quản lý các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyền” có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

+ Quyết định số 132/2006/QĐ-TTg ngày 31/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi nghề đối với công chức, viên chức ngành Kiểm lâm, Bảo vệ thực vật, Thú y và Kiểm soát đê điều.

*Cơ sở thực tiễn*

+ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng (sau đây gọi là Nghị định số 01/2019/NĐ-CP) được xây dựng dựa trên nguyên tắc cơ bản và nội dung của Luật Lâm nghiệp năm 2017 giao Chính phủ quy định chi tiết. Trong hơn 5 năm (2019-2024) thực hiện, Nghị định số 01/2019/NĐ-CP cơ bản đã đáp ứng yêu cầu về hoạt động, hệ thống tổ chức của Kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp, phòng cháy và chữa cháy rừng; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lâm nghiệp. Nghị định số 01/2019/NĐ-CP là cơ sở pháp lý quan trọng để hoàn thiện và nâng cao năng lực của hệ thống Kiểm lâm; hệ thống tổ chức về Kiểm lâm đã được thành lập, cơ bản thống nhất từ Trung ương đến địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện); Kiểm lâm tại các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ là hệ thống Kiểm lâm đã được thành lập từ nhiều năm trước tiếp tục được kế thừa, sắp xếp cơ bản bảo đảm thẩm quyền của Kiểm lâm để thực thi công vụ; nâng cao vai trò, trách nhiệm của chủ rừng trong vai trò nhiệm vụ là chủ rừng trực tiếp quản lý, bảo vệ rừng được giao, được thuê theo đúng quy định, góp phần tiếp tục xã hội hóa công tác quản lý, bảo vệ rừng; tạo hành lang pháp lý để Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng thực hiện chức năng, nhiệm vụ bảo vệ rừng.

Bên cạnh kết quả đạt được, việc thực hiện Nghị định số 01/2019/NĐ-CP đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập như:

+ Về chức năng, nhiệm vụ của Kiểm lâm: Chưa quy định Kiểm lâm cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về sử dụng rừng, phát triển rừng trong khi ở cấp tỉnh đã sáp nhập Chi cục phát triển lâm nghiệp vào Chi cục Kiểm lâm, sau khi sáp nhập Chi cục Kiểm lâm cơ bản là đơn vị thực hiện toàn diện các nhiệm vụ về lâm nghiệp trên địa bàn, bao gồm: quản lý rừng, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp, sử dụng rừng, phát triển rừng.

+ Về tổ chức, biên chế Kiểm lâm:

(i) Chưa quy định rõ tổ chức Kiểm lâm các cấp, gồm: Cục Kiểm lâm, Chi cục Kiểm lâm vùng, Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh, Hạt Kiểm lâm cấp huyện, Hạt Kiểm lâm trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính (Điều 43), Bộ luật Tố tụng hình sự (Điều 35), Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự (Điều 34).

(ii) Chưa quy định thống nhất các lĩnh vực giúp việc chuyên môn cần thiết trong tổ chức Kiểm lâm để thống nhất tạo thuận lợi trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của Kiểm lâm trên phạm vi toàn quốc.

(iii) Về tổ chức Kiểm lâm trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ:

Hiện nay toàn quốc đang có trên 2,2 triệu ha rừng đặc dụng và 4,5 triệu ha rừng phòng hộ. Để quản lý, bảo vệ toàn bộ diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đồng thời đảm bảo chấp hành pháp luật về lâm nghiệp và phòng cháy chữa cháy rừng, nhiều năm qua đã thiết lập hệ thống tổ chức quản lý với 167 khu rừng đặc dụng (34 Vườn quốc gia, 56 khu dự trữ thiên nhiên và 77 khu rừng đặc dụng khác). Khi thực hiện Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 về tổ chức quản lý hệ thống rừng đặc dụng, đến năm 2019 cả nước đã tổ chức 69 Hạt Kiểm lâm trong khu rừng đặc dụng và trực thuộc Ban quản lý rừng, trong đó có 34 Hạt Kiểm lâm thuộc Vườn Quốc gia và 35 Hạt Kiểm lâm thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên khác. Lực lượng Kiểm lâm trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ trên thực tế có vai trò đặc biệt quan trọng, là hạt nhân chính trong công tác quản lý bảo vệ tại khu rừng có chức năng bảo quản, duy trì lưu giữ hệ thống đa dạng sinh học, bảo vệ và lưu giữ nguồn gen về thực vật và động vật rừng, là lá phổi và cân bằng môi trường sống cho con người và sinh vật sống, chống biến đổi khí hậu, hạn chế tối đa hậu quả bất thường của thiên tai. Chính vì vậy, trong hơn 50 năm thành lập ngành Kiểm lâm, vai trò của Kiểm lâm trong các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ là rất quan trọng, không chỉ bảo vệ mà còn phát triển rừng, góp phần nâng cao độ che phủ rừng và giữ ổn định ở mức 42%. Đây là kết quả, thành công đóng góp của nhiều ban ngành nhưng đặc biệt có vai trò lớn của lực lượng Kiểm lâm nói chung, Kiểm lâm trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ nói riêng.

Sau khi thực hiện Nghị định số 117/2010/NĐ-CP, hệ thống tổ chức Kiểm lâm rừng đặc dụng đã ổn định và luôn gắn với Ban quản lý rừng, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc đồng thời là Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 117/2010/NĐ-CP. Do vậy công tác chỉ đạo, điều hành thông suốt, hiệu quả, thống nhất một đầu mối; chế độ, chính sách đãi ngộ đối với Kiểm lâm trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được bảo đảm.

Triển khai Luật Lâm nghiệp năm 2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, đã bãi bỏ Nghị định số 117/2010/NĐ-CP; đồng thời ban hành Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng thay thế Nghị định số 119/2006/NĐ-CP ngày 16/10/2006 về tổ chức và hoạt động của Kiểm lâm.

Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 01/2019/NĐ-CP quy định: “Kiểm lâm rừng đặc dụng, Kiểm lâm rừng phòng hộ là tổ chức hành chính, thuộc Kiểm lâm trung ương đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ do trung ương quản lý; thuộc Kiểm lâm cấp tỉnh đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ do địa phương quản lý”, nhằm mục đích khẳng định Kiểm lâm là tổ chức hành chính và thống nhất tổ chức Kiểm lâm thành một đầu mối. Khi triển khai thực hiện đã bộc lộ nhiều vướng mắc, bất cập, cụ thể như: việc tách Hạt Kiểm lâm khỏi Ban quản lý rừng về thuộc Kiểm lâm trung ương hoặc Kiểm lâm cấp tỉnh gặp khó khăn do phát sinh thêm tổ chức hành chính, trong khi đó lại không có chỉ tiêu biên chế công chức để thực hiện; công tác chỉ đạo, điều hành, phối hợp bảo vệ rừng cũng gặp nhiều bất cập do đùn đẩy trách nhiệm giữa chủ rừng và Kiểm lâm; không gắn liền trách nhiệm và quyền lợi giữa Ban quản lý rừng và Kiểm lâm... Đồng thời, quy định như vậy chưa đảm bảo phù hợp với khoản 3 Điều 105 Luật Lâm nghiệp về kiểm lâm trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, theo đó tổ chức kiểm lâm được thành lập trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, là đơn vị trực thuộc Ban quản lý rừng. Theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, nêu “Không thực hiện chế độ công chức trong đơn vị sự nghiệp công lập (trừ các đơn vị phục vụ nhiệm vụ chính trị và phục vụ quản lý nhà nước)...”.

Do vậy, từ khi thực hiện Nghị định số 01/2019/NĐ-CP đến nay có 26 Hạt Kiểm lâm thuộc Ban quản lý rừng giải thể để chuyển sang Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng. Tuy nhiên, sau khi giải thể tổ chức Kiểm lâm chuyển sang Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng thì công tác bảo vệ rừng đã gặp một số khó khăn do thẩm quyền bị hạn chế (không có thẩm quyền lập biên bản), không được trang bị vũ khí, không được trang bị đồng phục Kiểm lâm, không còn được hưởng chế độ thâm niên nghề, ưu đãi nghề, thu nhập của người lao động sụt giảm nhiều. Do vậy, từ năm 2020 đến 2022 đã có 740 viên chức Kiểm lâm và 1.400 bảo vệ rừng chuyên trách xin nghỉ việc, bỏ việc dẫn đến thiếu hụt lớn nguồn nhân lực đảm nhiệm công tác quản lý, bảo vệ rừng của các chủ rừng nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Do vậy, để làm nhiệm vụ rất đặc biệt và khó khăn là quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy tại những khu rừng thuộc sở hữu nhà nước là tài nguyên thiên nhiên quý giá về đa dạng sinh học, nguồn gen, có giá trị kinh tế và môi trường cao thì cần thiết tiếp tục duy trì số biên chế viên chức Kiểm lâm này tại các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; nhất là đang kế thừa lực lượng Kiểm lâm là công chức theo mô hình tổ chức thời gian trước hiện cơ bản đã chuyển sang là viên chức Kiểm lâm trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ. Tuy nhiên, Nghị định số 01/2019/NĐ-CP chưa quy định nhiệm vụ, quyền hạn của viên chức Kiểm lâm để xác định rõ nhiệm vụ giữa công chức Kiểm lâm và viên chức Kiểm lâm.

Xuất phát từ những tồn tại, bất cập nêu trên, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung về tổ chức Kiểm lâm trong rừng đặc dụng, phòng hộ theo quy định tại Điều 103 Luật Lâm nghiệp và phù hợp thực tiễn. Về biên chế, cần tiếp tục duy trì mô hình Kiểm lâm có cả công chức, viên chức theo hướng công chức Kiểm lâm thuộc đơn vị hành chính là Cục Kiểm lâm, Chi cục Kiểm lâm, Hạt Kiểm lâm; viên chức Kiểm lâm thuộc Hạt Kiểm lâm trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ (thuộc Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) như khoản 3 Điều 105 Luật Lâm nghiệp đã quy định có loại hình Kiểm lâm thuộc các đơn vị sự nghiệp là viên chức.

+ Về chế độ chính sách đối với Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng:

Thực tiễn thời gian qua, trong khi trực tiếp làm nhiệm vụ, tham gia chữa cháy rừng đầy nguy hiểm, việc bảo vệ tài nguyên rừng của nhà nước trước các đối tượng vi phạm tài nguyên rừng rất manh động, địa bàn bảo vệ thường ở vùng sâu, xa khó khăn nguy hiểm và rất khắc nghiệt thì cán bộ Kiểm lâm không quản nguy nan thực hiện nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao phó và không ít người đã bị hy sinh, bị thương thuộc diện được công nhận liệt sĩ, thương binh. Nhưng khi đề nghị công nhận liệt sĩ, thương binh thì cấp có thẩm quyền yêu cầu thủ tục, hồ sơ theo trường hợp “đặc biệt dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân hoặc ngăn chặn, bắt giữ người có hành vi phạm tội, là tấm gương có ý nghĩa tôn vinh, giáo dục, lan tỏa rộng rãi trong xã hội” (điểm k khoản 1 Điều 14, điểm k khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng), như trường hợp Kiểm lâm bị hy sinh, bị thương tại tỉnh Hà Giang, bị thương tại tỉnh Sơn La vào tháng 5 năm 2024 vừa qua. Do vậy, việc thực hiện quy trình công nhận liệt sĩ, thương binh phải trải qua nhiều bước công việc, tương tự như những công dân có hành vi dũng cảm khác trong xã hội. Trong khi đó, Kiểm lâm là lực lượng chuyên ngành, làm việc trong điều kiện khó khăn, không kể ngày hay đêm, phải đối mặt với nhiều hiểm nguy, được hưởng các chế độ, chính sách đặc thù, ưu đãi hơn các ngành nghề khác. Do vậy, dự thảo Nghị định đã điều chỉnh bổ sung việc áp dụng các trường hợp cụ thể về điều, khoản theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng nhằm thể hiện rõ việc Nhà nước ghi nhận vai trò, nhiệm vụ đặc biệt và đóng góp của Kiểm lâm, thực hiện việc công nhận Kiểm lâm bị hy sinh, bị thương khi thi hành nhiệm vụ tương tự như quy trình công nhận liệt sĩ, thương binh của các lực lượng khác như công an, quân đội, kiểm ngư…

Bên cạnh đó, Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng phải làm việc trong điều kiện hết sức khó khăn, vất vả, làm việc ngoài giờ bất kể giờ giấc, đêm hôm, ngày nghỉ, lại thường xuyên bị chống đối hành hung, đe dọa nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe trong khi chưa có chính sách, chế độ đãi ngộ để động viên, khuyến khích, thu hút người lao động bảo vệ rừng, do đó thu nhập thấp, công việc vất vả, dẫn đến khó thu hút, tuyển dụng mới lực lượng lao động trong công tác quản lý bảo vệ rừng. Thực tế thời gian qua, nhiều người đang làm việc có xu hướng chuyển đến làm việc tại các khu công nghiệp, du lịch do điều kiện làm việc và thu nhập cao hơn đảm bảo hơn dẫn tới tình trạng nghỉ việc, thôi việc do áp lực công việc, điều kiện làm việc chủ yếu ở vùng sâu, xa, nhiều khó khăn, vất vả rất lớn. Điều này dẫn đến nguy cơ khủng hoảng nhân lực trong công tác quản lý bảo vệ tài sản nhà nước này (từ đầu năm 2020 đến tháng 7/2022, đã có 1.474 người chiếm 11,5% so với tổng biên chế, trong đó có 490 viên chức bảo vệ rừng nghỉ việc chiếm 12,8% so với tổng biên chế viên chức) và tại các kỳ họp Quốc hội đã có rất nhiều Đại biểu Quốc hội thay mặt cử tri kiến nghị có chế độ chính sách đãi ngộ cho lực lượng này.

Từ các căn cứ thực tiễn nêu trên, cần thiết phải có chế độ, chính sách phù hợp hơn trên cơ sở kế thừa các chính sách chế độ đã có đối với Kiểm lâm và viên chức Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng để động viên, khuyến khích nhằm thu hút người lao động bảo vệ rừng.

Xuất phát từ những vấn đề trên, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP là cần thiết.

- Mục đích ban hành:

+ Cụ thể hóa chủ trương của Đảng về tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; thống nhất, đồng bộ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

+ Khắc phục những vấn đề không phù hợp với thực tiễn, hạn chế nguy cơ thiếu nguồn nhân lực tham gia bảo vệ rừng; đồng thời tiếp tục nâng cao trình độ, khả năng và hiệu quả hoạt động của Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

**c) Nội dung chủ yếu:** Nghị định bao gồm 02 Điềusửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng, cụ thể như sau:

- Các quy định chính của Nghị định

+ Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3;

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4;

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5;

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 (Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm lâm);

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 (Tổ chức Kiểm lâm trung ương);

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 (Tổ chức Kiểm lâm cấp tỉnh);

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10;

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 (Tổ chức Kiểm lâm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ);

9. Sửa đổi,bổ sung khoản 2 Điều 13 như sau: “2. Kiểm lâm trong khi trực tiếp làm nhiệm vụ hy sinh, bị thương thì đượcc ơ quan có thẩm quyền căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn xem xét công nhận là liệt sỹ, người hưởng chính sách như thương binh theo quy định tại điểm g, điểm i khoản 1 Điều 14 và điểm g, điểm i khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.”;

10. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 2 Điều 16 như sau: “c) Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng trong khi trực tiếp làm nhiệm vụ bị hy sinh, bị thương được hưởng chế độ, chính sách theo quy định Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.”;

11. Bổ sung khoản 4 Điều 19 như sau:“4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghịđịnh này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.”;

12. Sửa đổi điểm a khoản 2 mục VIII Phụ lục I.

+ Điều 2. Điều khoản thi hành.

**5. Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Nghị định này bãi bỏ các nghị định sau:  Nghị định này bãi bỏ Nghị định số [65/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-dinh-65-2016-ND-CP-dieu-kien-kinh-doanh-dich-vu-dao-tao-lai-xe-o-to-dich-vu-sat-hach-lai-xe-315465.aspx" \t "_blank) ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe và dịch vụ sát hạch lái xe; Nghị định số [138/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-thong-Van-tai/Nghi-dinh-138-2018-ND-CP-sua-doi-Nghi-dinh-65-2016-ND-CP-kinh-doanh-dich-vu-dao-tao-lai-xe-o-to-307544.aspx" \t "_blank) ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số [65/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-dinh-65-2016-ND-CP-dieu-kien-kinh-doanh-dich-vu-dao-tao-lai-xe-o-to-dich-vu-sat-hach-lai-xe-315465.aspx" \t "_blank) ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ cơ sở đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; Điều 2 và điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ; Điều 1 và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

*Điều khoản chuyển tiếp*

- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, giấy phép xe tập lái, giấy phép đào tạo lái xe ô tô do cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục còn giá trị sử dụng theo thời hạn của giấy phép với các hạng xe đào tạo tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 89 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục còn giá trị sử dụng để sát hạch cấp giấy phép lái xe cho các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 89 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và phải được cấp lại giấy phép trước ngày 01/7/2025 sau khi đáp ứng đủ các điều kiện đối với trung tâm sát hạch lái xe theo quy định của Nghị định này, trừ điều kiện quy định tại khoản 5 Điều 24 của Nghị định này.

- Trung tâm sát hạch lái xe đã được cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực đáp ứng điều kiện về hệ thống thông tin, đường truyền để kết nối và truyền dữ liệu giám sát sát hạch quy định tại khoản 5 Điều 24 của Nghị định này trước ngày 01/01/2026.

- Sở Giao thông vận tải xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, đường truyền để tiếp nhận, lưu trữ dữ liệu giám sát sát hạch quy định tại điểm c khoản 4 Điều 36 của Nghị định này trước ngày 01/01/2026. Sở Giao thông vận tải đang quản lý hoạt động của trung tâm sát hạch lái xe nằm trên địa phương khác, được tiếp tục quản lý và thực hiện thủ tục cấp lại, thu hồi giấy phép sát hạch theo quy định tại Điều 30 và Điều 31 của Nghị định này.

- Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, giấy phép xe tập lái, giấy phép đào tạo lái xe ô tô, giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động đã nộp tại cơ quan có thẩm quyền trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số [65/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-dinh-65-2016-ND-CP-dieu-kien-kinh-doanh-dich-vu-dao-tao-lai-xe-o-to-dich-vu-sat-hach-lai-xe-315465.aspx" \t "_blank) được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số [138/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-thong-Van-tai/Nghi-dinh-138-2018-ND-CP-sua-doi-Nghi-dinh-65-2016-ND-CP-kinh-doanh-dich-vu-dao-tao-lai-xe-o-to-307544.aspx" \t "_blank) và Nghị định số [41/2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-thong-Van-tai/Nghi-dinh-41-2024-ND-CP-sua-doi-Nghi-dinh-quan-ly-hoat-dong-van-tai-o-to-578281.aspx" \t "_blank), hạng xe được phép đào tạo và sát hạch tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 89 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Sở Giao thông vận tải thực hiện việc cấp kết quả điện tử trước ngày 31/12/2027 đối với các thủ tục: cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe quy định tại khoản 3 Điều 11 của Nghị định này; cấp giấy phép xe tập lái quy định tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định này; cấp giấy phép đào tạo lái xe quy định tại khoản 3 Điều 18 của Nghị định này; chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 quy định tại điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 26 của Nghị định này; cấp giấy phép sát hạch quy định tại khoản 3 Điều 27 của Nghị định này; cấp chấp thuận sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô quy định tại khoản 3 Điều 33 và khoản 3 Điều 34 của Nghị định này.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:** Luật Đường bộ và Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ đã được Quốc hội thông qua ngày 27/6/2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27/7/2024 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 7, trong đó đã giao nhiệm vụ cho Bộ GTVT xây dựng dự thảo Nghị định quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.

**c) Nội dung chủ yếu:** Nghị định gồm5 Chương, 42 Điều và 21 Phụ lụcquy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe, cụ thể như sau:

**- Chương I: Quy định chung gồm từ Điều 1 đến Điều 3;**

- **Chương II: Hoạt động đào tạo lái xe từ Điều 4 đến Điều 22;**

**- Chương III: Điều kiện kinh doanh, cấp và thu hồi giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động từ Điều 23 đến Điều 31;**

**- Chương IV:** **Điều kiện và hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô từ Điều 32 đến Điều 35;**

**- Chương V: Điều khoản thi hành từ Điều 36 đến Điều 42.**

**- 21 Phụ lục bao gồm:**

**+ Phụ lục I: Mẫu biển xe tập lái;**

**+ Phụ lục II:** **Chương trình tập huấn về nghiệp vụ giáo viên dạy thực hành lái xe;**

**+ Phụ lục III:** **Mẫu giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe;**

**+ Phụ lục IV:** **Mẫu đơn đề nghị tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe;**

**+ Phụ lục V:** **Mẫu văn bản đề nghị kiểm tra cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe;**

**+ Phụ lục VI:** **Mẫu sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe;**

**+ Phụ lục VII:** **Các mẫu liên quan đến cấp giấy phép xe tập lái;**

**+ Phụ lục VIII:** **Mẫu biên bản kiểm tra cấp giấy phép xe tập lái;**

**+ Phụ lục IX:** **Mẫu sổ theo dõi cấp giấy phép xe tập lái;**

**+ Phụ lục X:** **Mẫu danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái;**

**+ Phụ lục XI:** **Mẫu giấy phép đào tạo lái xe ô tô;**

**+ Phụ lục XII:** **Mẫu báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe;**

**+ Phụ lục XIII:** **Biên bản kiểm tra xét cấp giấy phép đào tạo lái xe;**

**+ Phụ lục XIV: Mẫu biển xe sát hạch;**

**+ Phụ lục XV:** **Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch lái xe;**

**+ Phụ lục XVI: Mẫu giấy phép sát hạch;**

**+ Phụ lục XVII:** **Mẫu văn bản đề nghị cấp, cấp lại giấy phép sát hạch;**

**+ Phụ lục XVIII:** **Mẫu biên bản kiểm tra cấp giấy phép sát hạch;**

**+ Phụ lục XIX:** **Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận, chấp thuận lại hoạt động của dân tập lái để sát hạch lái xe ô tô;**

**+ Phụ lục XX:** **Mẫu biên bản kiểm tra chấp thuận sân tập lái dùng để sát hạch lái xe ô tô;**

**+ Phụ lục XXI:** **Mẫu chấp thuận hoạt động của sân tập lái dùng để sát hạch lái xe mô tô.**

- Phạm vi điều chỉnh:

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của [Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-thong-Van-tai/Luat-trat-tu-an-toan-giao-thong-duong-bo-2024-so-36-2024-QH15-444251.aspx" \t "_blank) về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe, gồm: hình thức đào tạo lái xe khác; điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô của cơ sở đào tạo lái xe ô tô; tiêu chuẩn của giáo viên dạy lái xe; trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá để cấp, cấp lại và thu hồi giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe; cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép xe tập lái; cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép đào tạo lái xe; điều kiện kinh doanh dịch vụ sát hạch lái xe của trung tâm sát hạch lái xe; trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá để cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép sát hạch; điều kiện sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô; trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá để cấp, cấp lại và thu hồi chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô.

- Đối tượng áp dụng:

+ Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đào tạo lái xe và sát hạch lái xe tại Việt Nam.

- Nghị định này không áp dụng đối với hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe cho lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

*+ Nội dung quy định chủ yếu của Nghị định*

- Về hình thức đào tạo lái xe

Khoản 2 Điều 60 của Luật Trật tự, an toàn giao thông quy định người học lái xe phải được đào tạo tại các cơ sở đào tạo lái xe hoặc các hình thức đào tạo lái xe khác để cấp mới hoặc nâng hạng giấy phép lái xe; khoản 7 Điều 60 của Luật giao Chính phủ quy định chi tiết các hình thức đào tạo lái xe khác hình thức đào tạo lái xe tập trung tại cơ sở đào tạo quy định tại khoản 2 nói trên. Đây là chính sách mới thay cho việc bắt buộc học lái xe tập trung tại các cơ sở đào tạo lái xe được quy định tại Luật Giao thông đường bộ năm 2008 trước đây. Vì vậy, tại Điều 4 và Điều 5 của Nghị định đã quy định về hình thức đào tạo lái xe.

- Về hình thức của cơ sở đào tạo lái xe

Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định cơ sở đào tạo lái xe là “*cơ sở dạy nghề*”. Tuy nhiên, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ không quy định cơ sở đào tạo lái xe là “*cơ sở dạy nghề*”. Vì vậy, tại Nghị định đã bổ sung một số quy định mới để đáp ứng yêu cầu quản lý đối với hoạt động đào tạo lái xe như: về loại hình cơ sở đào tạo lái xe, yêu cầu về nhân lực của cơ sở đào tạo lái xe, giải thể cơ sở đào tạo lái xe tại Điều 6, Điều 7 và Điều 22.

- Về điều kiện của trung tâm sát hạch lái xe: Bổ sung yêu cầu về điều kiện nhân lực của trung tâm sát hạch lái xe để nâng cao năng lực trong hoạt động cung cấp dịch vụ để tổ chức sát hạch lái xe tại Điều 23, Điều 24 của Nghị định.

- Điều kiện và hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô

Tại khoản 3 Điều 61 của Luật quy định hoạt động sát hạch lái xe mô tô thực hiện tại các trung tâm sát hạch lái xe hoặc tại sân tập lái đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, kỹ thuật; theo đó, hoạt động sát hạch lái xe mô tô ngoài việc thực hiện tại các trung tâm sát hạch lái xe theo như quy định trước đây, thì còn được tổ chức tại sân tập lái đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, kỹ thuật. Vì vậy, Chính phủ đã quy định điều kiện, thủ tục chấp thuận sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô tại các điều 32, Điều 33, Điều 34 và Điều 35 của Nghị định.

- Thủ tục hành chính quy định tại Nghị định

Nghị định sửa đổi 11 thủ tục hành chính hiện hành; đồng thời bổ sung 04 thủ tục hành chính mới để đáp ứng yêu cầu quản lý đối với chính sách mới quy định tại Luật, gồm: thủ tục thu hồi giấy phép xe tập lái theo đề nghị của cơ sở đào tạo lái xe, chấp thuận lại bố trí mặt bằng tổng thể, kích thước của hình sát hạch của trung tâm sát hạch lái xe; thủ tục chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô; thủ tục chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô.

15/15 thủ tục hành chính quy định tại Nghị định đã bổ sung hình thức cấp kết quả điện tử đáp ứng chủ chương cải cách thủ tục hành chính của Chính phủ tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024.

**6. Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ** [**quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ**](https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=212127&classid=1&typegroupid=4)

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Các tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành tiếp tục được sử dụng, không phải thực hiện cấp lại cho đến khi hết hiệu lực của Giấy phép hoặc đến khi thực hiện cấp lại.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:** Luật Đường bộ và Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ đã được Quốc hội thông qua ngày 27/6/2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27/7/2024 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 7, trong đó đã giao nhiệm vụ cho Bộ Giao thông vận tải xây dựng dự thảo Nghị định quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.

**c) Nội dung chủ yếu:** Nghị định có 06 Chương, 33 Điều và 08 Phụ lục [quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ](https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=212127&classid=1&typegroupid=4), cụ thể như sau:

- Chương I: Quy định chung gồm từ Điều 1 đến Điều 3;

- Chương II: Phân loại, danh mục, đóng gói, dãn nhãn và tập huấn an toàn hàng hóa nguy hiểm gồm từ Điều 4 đến Điều 8;

- Chương III: Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ gồm từ Điều 9 đến Điều 12;

- Chương IV: Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm gồm từ Điều 13 đến Điều 17;

- Chương V: Tổ chức thực hiện gồm từ Điều 18 đến Điều 30;

- Chương VI: Điều khoản thi hành gồm từ Điều 31 đến Điều 33.

- 08 Phụ lục bao gồm:

+ Phụ lục I: Danh mục hàng nguy hiểm;

+ Phụ lục II: Số hiệu nguy hiểm;

+ Phụ lục III: Mẫu nhãn, biểu trưng hàng hóa nguy hiểm;

+ Phụ lục IV: Mẫu giấy đề nghị cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm;

+ Phụ lục IVa: Mẫu giấy đề nghị điều chỉnh thông tin trên giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm (...);

+ Phụ lục IVb: Mẫu giấy đề nghị cấp lại giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm;

+ Phụ lục V: Mẫu phương án tổ chức vận chuyển hàng nguy hiểm;

+ Phụ lục VI: Mẫu giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn an toàn nguy hiểm;

+ Phụ lục VII: Mẫu giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (áp dụng cho trường hợp cấp theo chuyến);

+ Phụ lục VIII: Mẫu giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo chuyến (áp dụng cho nhiều chuyến).

- Phạm vi điều chỉnh:

+ Nghị định này quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, cấp giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

+ Đối với hoạt động vận chuyển các chất phóng xạ thực hiện theo quy định của pháp luật về vận chuyển năng lượng nguyên tử.

+ Đối với hoạt động vận chuyển vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, tiền chất thuốc nổ, pháo thực hiện theo quy định của pháp luật về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, tiền chất thuốc nổ và pháo.

+ Đối với các hàng hóa nguy hiểm là chất thải nguy hại thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ Đối với trường hợp có quy định khác nhau giữa Nghị định này với quy định của pháp luật về vận chuyển năng lượng nguyên tử, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, tiền chất thuốc nổ, pháo, bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy thì thực hiện theo quy định của pháp luật về vận chuyển năng lượng nguyên tử, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, tiền chất thuốc nổ và pháo, bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy.

+ Đối với vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ qua biên giới trong khuôn khổ Hiệp định, Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ và các Phụ lục của Nghị định thư, các chứng chỉ đào tạo về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của bên ký kết khác được chấp thuận sử dụng khi vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam.

- Đối tượng áp dụng:

Nghị định này áp dụng với tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài liên quan đến việc vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

*Nội dung chủ yếu của Nghị định*

-Bổ sung quy định rõ đơn vị thực hiện việc tập huấn an toàn hàng hóa nguy hiểm: Người thuê vận tải hoặc người vận tải.

-Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 8: “*a) Người thuê vận tải hoặc người vận tải có trách nhiệm tổ chức tập huấn an toàn hàng hóa nguy hiểm hoặc cử các đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều này tham gia khóa tập huấn an toàn hàng hóa nguy hiểm, định kỳ 02 năm một lần*;”.

- Sửa đổi điểm a khoản 6 Điều 8: “*a) Người thuê vận tải hoặc người vận tải tập huấn an toàn hàng hóa nguy hiểm chịu trách nhiệm kiểm tra để đánh giá kết quả tập huấn an toàn hàng hóa nguy hiểm*;”

- Bổ sung mẫu Giấy chứng nhận hoàn thành tập huấn an toàn hàng hóa nguy hiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục VI Nghị định này để tạo thuận lợi và thống nhất trong quá trình sử dụng.

-Quy định lại đối tượng phải được tập huấn an toàn hàng hóa nguy hiểm gồm: Người lái xe hoặc người áp tải (bỏ quy định đối với người thủ kho, người xếp dỡ).

-Chuyển cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5 và loại 8 từ Bộ Khoa học và Công nghệ sang Bộ Công thương.

- Bổ sung thêm đối tượng thuộc thẩm quyền cấp phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của Bộ Quốc phòng tại điểm b Khoản 2 Điều 14 là: “*Người vận tải do tổ chức, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thuê vận chuyển hàng hoá nguy hiểm*”.

-Bổ sung thêm Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm đã được cấp cần điều chỉnh thông tin vào thành phần Hồ sơ đề nghị điều chỉnh thông tin trên Giấy phép khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép quy định tại điểm c Khoản 4 Điều 15.

- Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Nghị định số [34/2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/nghi-dinh-23-2024-nd-cp-huong-dan-luat-dau-thau-lua-chon-nha-dau-tu-thuc-hien-du-an-578279.aspx) ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa (Điều 31) để đảm bảo tính tương đồng với các quy định được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định này để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ đối với các quy định có liên quan.

**7. Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 12 năm 2024.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

*Cơ sở chính trị, pháp lý*

+ Nghị quyết số 103/2023/QH15 ngày 09/11/2023 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 (được thông qua tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV) đã đề ra một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

*“3.2. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật…*

*3.4….Triển khai quyết liệt Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025;...Khuyến khích phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân thực sự trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế.…Thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài, nhất là trong những ngành, lĩnh vực mới nổi gắn kết chặt chẽ với thị trường trong nước và các doanh nghiệp trong nước…”.*

+ Đề án *“Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025”* ban hành kèm theo Quyết định số 689/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 08/6/2022 (Quyết định số 689) quy định: Về mục tiêu tổng quát nhằm cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu tại Quyết định số 689 như sau: *“…phấn đấu đến năm 2025 giảm số lượng các TCTD.”.*

+ Căn cứ quy định của pháp luật liên quan:

(i) Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ;

(ii) Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

+ Quy định tại Luật Các TCTD năm 2024 (Điều 29):

(i) Điểm b khoản 1: *“1. TCTD được cấp Giấy phép khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:… b) Chủ sở hữu của TCTD là công ty TNHH MTV, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là pháp nhân đang hoạt động hợp pháp và có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn; cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có cam kết đủ khả năng tài chính để góp vốn;”.*

(ii)Khoản 5 Điều 29 Luật Các TCTD năm 2024 quy định: *“5. Điều kiện đối với chủ sở hữu của TCTD là công ty TNHH MTV, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô do Chính phủ quy định”.*

+ Quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung):

Khoản 2 Điều 19 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung) quy định: *“Chính phủ ban hành nghị định để quy định: 2. Các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội… để thực hiện chính sách kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, tài chính, tiền tệ, ngân sách, thuế, dân tộc, tôn giáo, văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, đối ngoại, chế độ công vụ, cán bộ, công chức, viên chức, quyền, nghĩa vụ của công dân và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành của Chính phủ…thuộc thẩm quyền của Chính phủ”.*

*Cơ sở thực tiễn*

Các Thông tư của NHNN về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã có quy định đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện đối với chủ sở hữu của TCTD là công ty TNHH MTV, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập và điều kiện cấp Giấy phép đối với ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô[[2]](#footnote-2)…

Công tác thực hiện pháp luật trong lĩnh vực cấp phép thời gian qua và tổng hợp, nghiên cứu xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là cơ sở thực tiễn để NHNN xây dựng Nghị định.

- Mục đích ban hành: Việc xây dựng và ban hành Nghị định nhằm tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động cấp phép các loại hình TCTD tại Việt Nam, góp phần vào sự phát triển ổn định của hệ thống các TCTD và tạo sự thống nhất, đồng bộ giữa các văn bản quy phạm pháp luật.

**c) Nội dung chủ yếu:**Nghị định bao gồm 4 Chương, 15 Điều quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, cụ thể như sau:

*- Chương I*: Gồm 03 Điều, từ Điều 1 đến Điều 3 quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ;

*- Chương II*: Gồm 06 Điều, từ Điều 4 đến Điều 9 quy định về điều kiện đối với cổ đông sáng lập của ngân hàng thương mại cổ phần, điều kiện đối với thành viên sáng lập, chủ sở hữu là TCTD nước ngoài, TCTD phi ngân hàng, điều kiện đối với ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

*- Chương III:* Gồm 04 Điều, từ Điều 10 đến Điều 13 quy định về điều kiện cấp giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô;

*- Chương IV:* Gồm 03 Điều, từ Điều 14 đến Điều 15 quy định về hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành.

- Phạm vi điều chỉnh:(i) Quy định về điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty TNHH MTV, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Luật Các TCTD; và (ii) Điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô.

- Đối tượng áp dụng:(i) Ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài (sau đây gọi tắt là ngân hàng thương mại); (ii) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài; (iii) TCTD phi ngân hàng; (iv) Quỹ tín dụng nhân dân; (v) Tổ chức tài chính vi mô; (vii) Cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu của tổ chức tín dụng, ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài; (vii) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, cấp Giấy phép thành lập của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, TCTD phi ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô.

*Nội dung chủ yếu của Nghị định*

*-* Nghị định bổ sung quy định: *“Không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.”* (tại điểm i, k khoản 4 Điều 4; điểm k khoản 3 Điều 6; điểm đ khoản 4 Điều 8; điểm d khoản 1 Điều 9; điểm b khoản 2 Điều 13).

- Nghị định bổ sung quy định: “*Ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, ngân hàng mẹ phải đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.”* tại khoản 2 Điều 7.

- Nghị định bổ sung quy định: “*Không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không được góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác góp vốn, mua cổ phần”* tại điểm c khoản 3 Điều 4; điểm b khoản 4 Điều 4; khoản 2 Điều 8; điểm c khoản 3 Điều 8; điểm b khoản 4 Điều 8.

- Nghị định điều chỉnh quy định: *“Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng trong vòng 05 (năm) năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm cấp Giấy phép”* (tại điểm đ khoản 3 Điều 4; điểm đ khoản 3 Điều 8) thành “*Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, mua trái phiếu doanh nghiệp trong vòng 05 (năm) năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.”.*

- Nghị định bổ sung điều kiện xếp hạng tín nhiệm đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập TCTD phi ngân hàng là TCTD nước ngoài: *“Thứ hạng tín nhiệm từ mức A- trở lên (theo Standard & Poor’s hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức A3 trở lên (theo Moody’s) đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế có thang thứ hạng tín nhiệm khác thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor’s hoặc Moody’s hoặc Fitch Ratings thì tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế đó phải chuyển đổi thứ hạng tín nhiệm tương ứng, phù hợp với thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor’s hoặc Moody’s hoặc Fitch Ratings”* thành: *“Thứ hạng tín nhiệm từ mức A- trở lên (theo Standard & Poor’s hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức A3 trở lên (theo Moody’s) đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp sử dụng xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế khác được đăng ký hoặc xác nhận bởi Cơ quan Giám sát Thị trường và Chứng khoán Châu Âu (The European Securities and Markets Authority – ESMA) hoặc sử dụng xếp hạng tín nhiệm của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế khác được cấp phép bởi các quốc gia thuộc nhóm G7, phải đảm bảo các tổ chức này được phép xếp hạng tín nhiệm đối với tổ chức tín dụng nước ngoài thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng tại Việt Nam và thứ hạng tín nhiệm phải từ mức A trở lên”* tại điểm c khoản 3 Điều 9.

- Nghị định bổ sung quy định: *“Thời hạn sở hữu quy định tại khoản 4 Điều này thực hiện theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt”* tại điểm c khoản 5 Điều 9.

- Nghị định sửa đổi, bổ sung điều kiện đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập của tổ chức tài chính vi mô được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải đảm bảo điều kiện: *“là tổ chức chính trị - xã hội cấp Trung ương”* tại điểm a khoản 1 Điều 13; điểm a khoản 2 Điều 13.

**8. Nghị định số 164/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra Công an nhân dân**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 02 năm 2025, thay thế Nghị định số 41/2014/NĐ-CP ngày 13/5/2014 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra Công an nhân dân và Nghị định số 25/2021/NĐ-CP ngày 24/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 41/2014/NĐ-CP.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

Ngày 16/3/2022, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TW về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Với mục tiêu là đến năm 2030, xây dựng lực lượng CAND chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

Ngày 14/11/2022, Quốc hội khóa XV thông qua Luật Thanh tra, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2023, gồm 08 chương 118 điều. Trong đó, tại khoản 1 Điều 114 Luật Thanh tra năm 2022 quy định: *“Tổ chức và hoạt động thanh tra trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân do Chính phủ quy định”*.

Qua tổng kết và khảo sát thực tiễn kết quả thực hiện Nghị định số 41/2014/NĐ-CP ngày 13/5/2014 quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra CAND và Nghị định số 25/2021/NĐ-CP ngày 24/3/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 41/2014/NĐ-CP cho thấy, một số quy định của Nghị định hiện nay chưa hợp lý, chưa bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy định của Luật Thanh tra năm 2022. Cụ thể như:

+ Quy định tiêu chí về quân số để bố trí cán bộ thanh tra chuyên trách, kiêm nhiệm tại các đơn vị không có tổ chức thanh tra hiện nay nảy sinh nhiều bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn công tác đặt ra, đặc biệt là đối với Công an cấp huyện; các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các cơ quan thanh tra, của Chánh Thanh tra trong CAND chưa thống nhất với quy định của Luật Công an nhân dân. Dẫn đến tình trạng chồng chéo giữa các văn bản, từ Nghị định của Chính phủ đến Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an cùng quy định về nội dung này.

+ Các quy định liên quan đến hoạt động thanh tra CAND còn nhiều bất cập, chưa thống nhất với quy định của Luật Thanh tra năm 2022. Cụ thể như quy định về việc ban hành kế hoạch thanh tra hằng năm, quy định về thẩm quyền ra quyết định thanh tra và ký ban hành kết luận thanh tra, về giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra, việc thẩm định dự thảo và thực hiện kết luận thanh tra…

- Mục đích ban hành:

Việc tham mưu xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 41/2014/NĐ-CP và Nghị định số 25/2021/NĐ-CP nhằm thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 114 Luật Thanh tra năm 2022 *“Tổ chức và hoạt động thanh tra trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân do Chính phủ quy định”*. Bảo đảm tính thống nhất với Luật Thanh tra năm 2022, tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng và hoàn thiện tổ chức bộ máy và hoạt động thanh tra CAND ngày càng chính quy, tinh nhuệ, chuyên nghiệp và hiện đại.

**c) Nội dung chủ yếu:** Nghị định gồm 07 Chương, 47 điềuquy định về tổ chức và hoạt động thanh tra Công an nhân dân, cụ thể như sau:

- Chương I: Quy định chung;

- Chương II: Quy định về Tổ chức thanh tra Công an nhân dân;

- Chương III: Quy định về Thanh tra viên Công an nhân dân;

- Chương IV: Quy định về Hoạt động thanh tra Công an nhân dân;

- Chương V: Quy định về Thực hiện kết luận thanh tra;

- Chương VI: Quy định về Quản lý nhà nước về công tác thanh tra Công an nhân dân;

- Chương VII: Điều khoản thi hành.

*Nội dung chủ yếu của Nghị định*

- Chương I gồm 6 điều:

+ Điều 1 quy định về phạm vi điều chỉnh

Nghị định xác định đúng phạm vi được Luật Thanh tra năm 2022 giao tại khoản 1 Điều 114 *“Tổ chức và hoạt động thanh tra trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân do Chính phủ quy định”*.

+ Điều 2 quy định về đối tượng áp dụng

Gồm 02 nhóm đối tượng: (1) Cơ quan quản lý nhà nước, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước; các đơn vị trực thuộc Bộ Công an và Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cơ quan thực hiện chức năng thanh tra và Thủ trưởng cơ quan thực hiện chức năng thanh tra Công an nhân dân; Thanh tra viên, cán bộ thanh tra chuyên trách, kiêm nhiệm; Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra của Công an nhân dân; (2) Đối tượng thanh tra.

- Chương II gồm 07 điều quy định về tổ chức thanh tra CAND:

+ Điều 7 quy định về Cơ quan thực hiện chức năng thanh tra trong CAND, trong đó phân chia thành 02 nhóm: Cơ quan thanh tra và cán bộ thanh tra chuyên trách, kiêm nhiệm được bố trí tại các đơn vị không có tổ chức thanh tra. Trong đó cơ quan thanh tra CAND gồm: *(1)* Thanh tra Bộ; *(2)* Thanh tra Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; *(3)* Thanh tra Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Thanh tra Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng.

Đối với Công an huyện, thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và Công an các đơn vị có quân số từ 200 cán bộ, chiến sĩ trở lên, bố trí cán bộ thanh tra chuyên trách; Công an các đơn vị có quân số dưới 200 cán bộ, chiến sĩ, bố trí cán bộ thanh tra kiêm nhiệm.

+ Từ Điều 8 đến Điều 12 quy định về vị trí, chức năng của các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra CAND.

+ Điều 13 quy định về con dấu và tài khoản của cơ quan thanh tra CAND.

Nghị định quy định các cơ quan thanh tra trong CAND có con dấu riêng nhằm đáp ứng yêu cầu công tác đặt ra. Con dấu nêu tại Nghị định là con dấu có hình biểu tượng (không phải con dấu có hình quốc huy) theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu.

- Chương III gồm 06 điều quy định về Thanh tra viên CAND:

+ Điều 14 quy định về Thanh tra viên CAND

Nghị định xác định diện cán bộ được sắp xếp vị trí Thanh tra viên phải là sỹ quan CAND làm công tác thanh tra chuyên trách (không bố trí đối với hạ sỹ quan, công nhân viên, lao động hợp đồng, cán bộ kiêm nhiệm…).

+ Điều 15, 16, 17 quy định về tiêu chuẩn các ngạch thanh tra viên, thanh tra viên chính, thanh tra viên cao cấp trong CAND.

Điểm mới của Nghị định là quy định tiêu chuẩn chức danh gắn với cấp bậc hàm. Cụ thể là, đối với sĩ quan có cấp bậc hàm Đại úy trở lên, nếu đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của ngạch thanh tra viên chính thì chỉ phải giữ ngạch thanh tra viên 01 năm (thay vì 09 năm) là được xem xét bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên chính; đối với sĩ quan có cấp bậc hàm Trung tá trở lên, nếu đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của ngạch thanh tra viên cao cấp thì chỉ phải giữ ngạch thanh tra viên chính 01 năm (thay vì 06 năm) là được xem xét bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên cao cấp.

+ Điều 18 quy định về miễn nhiệm chức danh thanh tra viên

Nghị định quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ra quyết định miễn nhiệm theo hướng, cấp có thẩm quyền bổ nhiệm thì có thẩm quyền miễn nhiệm chức danh thanh tra viên.

- Chương IV gồm 18 điều quy định về hoạt động thanh tra CAND:

+ Điều 21 quy định về hình thức thanh tra và căn cứ ra quyết định thanh tra

Quy định về hình thức và căn cứ ra quyết định thanh tra tại Nghị định cơ bản thống nhất với quy định tại Điều 46 và Điều 51 Luật Thanh tra, gồm 02 hình thức và 04 căn cứ.

+ Điều 25 quy định về nội dung thanh tra

Đây là một trong những điểm mới được quy định trong Nghị định. Trên cơ sở quy định của Luật Thanh tra năm 2022 về thanh tra hành chính (khoản 2 Điều 2) và thanh tra chuyên ngành (khoản 3 Điều 2). Nghị định đã xác định cụ thể hơn phạm vi về nội dung, về đối tượng thanh tra của lực lượng Công an nhân dân.

+ Điều 28 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của người tiến hành thanh tra và của đối tượng thanh tra

Nội dung quy định này cơ bản được dẫn chiếu quy định của Luật Thanh tra.

- Chương V gồm 03 điều quy định về Thực hiện kết luận thanh tra:

Cụ thể hóa quy định của Luật Thanh tra, Nghị định quy định cụ thể trách nhiệm của Thủ trưởng Công an, của Chánh Thanh tra, của đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện kết luận thanh tra. Riêng đối với công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra được viện dẫn theo quy định của Nghị định số 43/2023/NĐ-CP.

- Chương VI gồm 05 điều quy định một số nội dung về quản lý nhà nước đối với công tác thanh tra CAND:

Nội dung về xử lý vi phạm là điểm mới và được quy định rất cụ thể tại nhiều chương khác nhau của Luật Thanh tra. Để thuận lợi cho việc nghiên cứu, áp dụng, Nghị định quy định tập trung tại Điều 44, theo hướng viện dẫn quy định của Luật Thanh tra, trong đó bao gồm: (1) Xử lý đối với hành vi vi phạm của đối tượng thanh tra (khoản 1); (2) Xử lý đối với hành vi vi phạm của người tiến hành thanh tra (khoản 2); (3) Xử lý đối với hành vi vi phạm trong việc thực hiện kết luận thanh tra (khoản 3).

- Chương VII quy định về Điều khoản thi hành: gồm 02 điều, quy định về hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành.

**9. Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị định này thay thế các Nghị định sau:

+ Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-11-2010-nd-cp-quan-ly-bao-ve-ket-cau-ha-tang-giao-thong-duong-bo-101495.aspx) ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;

+ Nghị định số [100/2013/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/xay-dung-do-thi/nghi-dinh-100-2013-nd-cp-sua-doi-quan-ly-bao-ve-ket-cau-ha-tang-giao-thong-duong-bo-205919.aspx) ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-11-2010-nd-cp-quan-ly-bao-ve-ket-cau-ha-tang-giao-thong-duong-bo-101495.aspx);

+ Nghị định số [64/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-64-2016-nd-cp-sua-doi-11-2010-nd-cp-quan-ly-bao-ve-ket-cau-ha-tang-giao-thong-duong-bo-315705.aspx) ngày 01/7/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-11-2010-nd-cp-quan-ly-bao-ve-ket-cau-ha-tang-giao-thong-duong-bo-101495.aspx);

+ Nghị định số [125/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-125-2018-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-64-2016-nd-cp-ket-cau-ha-tang-giao-thong-duong-bo-394989.aspx) ngày 19/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [64/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-64-2016-nd-cp-sua-doi-11-2010-nd-cp-quan-ly-bao-ve-ket-cau-ha-tang-giao-thong-duong-bo-315705.aspx) ngày 01/7/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-11-2010-nd-cp-quan-ly-bao-ve-ket-cau-ha-tang-giao-thong-duong-bo-101495.aspx) ngày 24/2/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

+ Nghị định số [117/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-117-2021-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-11-2010-nd-cp-quan-ly-ha-tang-giao-thong-duong-bo-498263.aspx) ngày 22/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-11-2010-nd-cp-quan-ly-bao-ve-ket-cau-ha-tang-giao-thong-duong-bo-101495.aspx) của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

+ Nghị định số [01/2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-01-2024-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-11-2010-nd-cp-bao-ve-ha-tang-giao-thong-duong-bo-593619.aspx) ngày 01/01/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-11-2010-nd-cp-quan-ly-bao-ve-ket-cau-ha-tang-giao-thong-duong-bo-101495.aspx);

+ Nghị định số [32/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-32-2014-nd-cp-quan-ly-khai-thac-bao-tri-cong-trinh-duong-cao-toc-227095.aspx) ngày 22/4/2014 của Chính phủ về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc;

+ Nghị định số [25/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-25-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-32-2014-nd-cp-quan-ly-khai-thac-bao-tri-cong-trinh-duong-cao-toc-566989.aspx) ngày 19/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [32/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-32-2014-nd-cp-quan-ly-khai-thac-bao-tri-cong-trinh-duong-cao-toc-227095.aspx).

Bãi bỏ Điều 1 Nghị định số [70/2022/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-70-2022-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-hoat-dong-kinh-doanh-linh-vuc-duong-bo-530726.aspx) ngày 27/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ.

*Quy định chuyển tiếp*

- Đối với các tuyến đường đang khai thác đã cắm mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ, việc điều chỉnh và cắm lại mốc hành lang an toàn đường bộ được thực hiện trong trường hợp hành lang tuyến, đoạn tuyến ảnh hưởng đến công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông hoặc trong trường hợp thay đổi cấp kỹ thuật của đường bộ theo quy hoạch được duyệt.

- Đối với các trường hợp đã được chấp thuận việc xây dựng biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị, chấp thuận xây dựng công trình hạ tầng trong phạm vi đường bộ đang khai thác trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo văn bản chấp thuận.

- Các cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ đã được chấp thuận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì được phép hoạt động theo văn bản chấp thuận; cá nhân được cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn đường bộ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được hoạt động theo chứng chỉ đã cấp và thời hạn quy định ghi trong chứng chỉ đã cấp.

- Việc đổi tên, số hiệu đường bộ không phù hợp với quy định của Nghị định này hoàn thành trước ngày 01/01/2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật Đường bộ.

- Các dự án đầu tư xây dựng và các công việc bảo trì trên quốc lộ quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 của Nghị định này được thực hiện như sau:

+ Đối với hợp đồng quản lý, vận hành, khai thác, bảo dưỡng kết cấu hạ tầng quốc lộ sử dụng ngân sách trung ương mà cơ quan quản lý đường bộ được giao đã ký hợp đồng trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, các bên thương thảo, ký kết phụ lục điều chỉnh hợp đồng để chuyển giao quyền, nghĩa vụ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền, giao nhiệm vụ) tiếp tục thực hiện hợp đồng kể từ khi hoàn thành bàn giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ từ trung ương về địa phương và cấp có thẩm quyền điều dự toán ngân sách nhà nước từ Bộ Giao thông vận tải về các địa phương để thực hiện công việc này;

+ Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, sửa chữa công trình đường bộ và các công việc bảo trì khác (sau đây gọi chung là dự án) đã phê duyệt dự án trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, chủ đầu tư tiếp tục thực hiện đến khi hoàn thành dự án đưa vào khai thác, sử dụng;

+ Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, dự án sửa chữa công trình đường bộ, công tác khác đã lựa chọn tư vấn lập dự án đầu tư và nhà thầu có liên quan khác nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa hoàn thành việc phê duyệt dự án, thì được tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành việc phê duyệt dự án. Việc bàn giao dự án cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền, giao nhiệm vụ) tiếp nhận dự án được thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước từ Bộ Giao thông vận tải về địa phương để thực hiện dự án;

+ Đối với hậu quả thiên tai xảy ra trên quốc lộ trước khi bàn giao cho địa phương, các cơ quan được giao có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong lĩnh vực đường bộ đến khi hoàn thành công tác khắc phục hậu quả thiên tai để bảo đảm giao thông đường bộ an toàn, thông suốt và bảo đảm an toàn công trình đường bộ;

+ Đối với tuyến, đoạn tuyến quốc lộ đầu tư theo phương thức đối tác công tư do Bộ Giao thông vận tải là cơ quan có thẩm quyền đang trong giai đoạn thực hiện hợp đồng dự án việc bàn giao tuyến, đoạn tuyến quốc lộ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý được thực hiện sau khi chấm dứt hợp đồng dự án; hoặc các bên ký kết hợp đồng có thỏa thuận chuyển giao công trình, tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trước thời hạn hợp đồng theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Đối với tuyến, đoạn tuyến quốc lộ đầu tư theo phương thức đối tác công tư được Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền thì các quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 của Nghị định này được thực hiện sau khi chấm dứt hợp đồng dự án; hoặc các bên ký kết hợp đồng có thỏa thuận chuyển giao công trình, tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trước thời hạn hợp đồng theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

Luật Đường bộ và Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ đã được Quốc hội thông qua vào ngày 27/6/2024. Tại các quy định tại Luật Đường bộ gồm: khoản 6 Điều 5, khoản 3 Điều 6, khoản 6 Điều 8, khoản 4 Điều 11, khoản 7 Điều 14, khoản 4 Điều 15, khoản 9 Điều 17, khoản 6 Điều 18, khoản 7 Điều 19, khoản 5 Điều 20, khoản 5 Điều 21, khoản 7 Điều 25, khoản 7 Điều 29, điểm c khoản 3 Điều 30, khoản 9 Điều 37, khoản 3 Điều 40, khoản 5 Điều 48, khoản 5 Điều 49, khoản 3 Điều 50, khoản 5 Điều 52 của Luật Đường bộ giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung liên quan đến quy hoạch; cơ sở dữ liệu đường bộ; phân loại đường bộ cao tốc quản lý; đặt tên, đổi tên, số hiệu đường bộ; quy định chi tiết phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ; hành lang an toàn đường bộ; quy định giới hạn theo phương thẳng đứng của đường dây dẫn điện phía trên đường bộ; quy định việc xây dựng lắp đặt biển quảng cáo trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng (KCHT) đường bộ; quy định xây dựng lắp đặt công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ KCHT đường bộ; quy định xây dựng quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ; quy định chi tiết bảo vệ KCHT đường bộ; quy định chi tiết về tổ chức giao thông; quy định chi tiết thẩm tra, thẩm định ATGT đường bộ; quy định việc kết nối giao thông đường bộ; quy định trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì KCHT đường bộ; quy định chi tiết về giao thông thông minh; quy định chi tiết về mở rộng, nâng cấp đường cao tốc; quy định chi tiết về quản lý, vận hành khai thác, bảo trì đường cao tốc và quy định chi tiết về đầu tư trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe, đỗ xe của đường cao tốc.

Tại Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ giao Chính phủ quy định chi tiết về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ đối với trường hợp sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác.

Do đó, việc ban hành Nghị định để quy định chi tiết, hướng dẫn các điều, khoản của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ là cần thiết. Ngoài ra, việc ban hành Nghị định này nhằm thay thế một số Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Giao thông đường bộ năm 2008 hết hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025; thể chế hóa các quan điểm của Đảng, chủ trương về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực đường bộ; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; công khai các thủ tục hành chính, trình tự thực hiện và thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính; thể chế hóa các quan điểm để đẩy mạnh đầu tư và khai thác, bảo trì KCHT đường bộ, nhất là đường cao tốc; thể chế hóa các quan điểm, chủ trương về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ; thể chế hóa các quan điểm về sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất, kết hợp xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng cùng với đầu tư xây dựng đường bộ, nhất là tại các đô thị và các công trình có quy mô lớn.

**c) Nội dung chủ yếu:**Nghị định bao gồm 09 Chương, 70 Điều và 10 Phụ lụcquy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, cụ thể như sau:

- Chương I: Quy định chung gồm từ Điều 1 đến Điều 3;

- Chương II: Quy định về phân loại, phân cấp và trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì đường bộ gồm từ Điều 4 đến Điều 9;

- Chương III: Quy định về phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ; hành lang an toàn đường bộ; xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác gồm từ Điều 10 đến Điều 21;

- Chương IV: Quy định về tổ chức giao thông, kết nối giao thông đường bộ gồm từ Điều 22 đến Điều 31;

- Chương V: Quy định về thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ; đào tạo thẩm tra an toàn giao thông đường bộ gồm từ Điều 32 đến Điều 45;

- Chương VI: Quy định về đường cao tốc gồm từ Điều 46 đến Điều 56;

- Chương VII: Quy định cơ sở dữ liệu đường bộ gồm từ Điều 57 đến Điều 63;

- Chương VIII: Quy định về hệ thống quản lý giao thông thông minh gồm từ Điều 64 đến Điều 66;

- Chương IX: Quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan khác, hiệu lực thi hành, chuyển tiếp và trách nhiệm thực hiện gồm từ Điều 67 đến Điều 70.

*-* Phạm vi điều chỉnh:

Nghị định này quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ về:

+ Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ.

+ Phân loại, phân cấp và trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì đường bộ.

+ Phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ; hành lang an toàn đường bộ; xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác.

+ Tổ chức giao thông, kết nối giao thông đường bộ.

+ Thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ; đào tạo thẩm tra an toàn giao thông đường bộ.

+ Đường cao tốc.

+ Cơ sở dữ liệu đường bộ.

+ Hệ thống quản lý giao thông thông minh.

- Đối tượng áp dụng: Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quy hoạch, đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ, cơ sở dữ liệu đường bộ và giao thông thông minh.

*Nội dung chính của Nghị định*

Nghị định có một số nội dung quan trọng thay đổi, bổ sung mới so với quy định trước như:

- Quy định về phân cấp quản lý quốc lộ, giao quốc lộ cho UBND cấp tỉnh quản lý để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh; điều chỉnh loại đường theo cấp quản lý; trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì KCHT đường bộ; thay đổi một số nội dung quy định liên quan đến xác định đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ; thay đổi về nội dung, thẩm quyền chấp thuận và trình tự thủ tục liên quan đến xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo, biển thông tin tuyên truyền cổ động chính trị, xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng và công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung vào phạm vi KCHT đường bộ; bảo vệ KCHT đường bộ; sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác; các quy định về tổ chức giao thông đường bộ, đấu nối vào đường bộ có nhiều nội dung mới và thay đổi thẩm quyền, trình tự thủ tục so với trước đây; việc thẩm tra, thẩm định ATGT và đào tạo, cấp chứng chỉ thẩm tra ATGT cũng có các quy định thay đổi so với trước đây.

- Nghị định bổ sung mới 3 chương, bao gồm:

+ Chương VI quy định về đường cao tốc, trong đó có quy định cách thức mở rộng đường cao tốc theo phương thức PPP và theo hình thức đầu tư công; đầu tư trạm dừng nghỉ thuộc công trình đường cao tốc; quản lý, vận hành, khai thác đường cao tốc và lộ trình đầu tư xây dựng các công trình thuộc KCHT đường cao tốc.

+ Chương VII quy định về cơ sở dữ liệu đường bộ.

+ Chương VIII hệ thống giao thông thông minh.

**10. Nghị định số 166/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới**

**a) Hiệu lực thi hành:** NghHiệu lực thi hànhu lHiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2025, trừ điểm đ khoản 1 Điều 16 của Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Các Nghị định sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:

+ Nghị định số [95/2009/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-95-2009-nd-cp-quy-dinh-nien-han-su-dung-xe-o-to-cho-hang-xe-o-to-cho-nguoi-96856.aspx) ngày 30/10/2009 của Chính phủ quy định niên hạn sử dụng đối với xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người;

+ Nghị định số [139/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-139-2018-nd-cp-quy-dinh-ve-kinh-doanh-dich-vu-kiem-dinh-xe-co-gioi-396516.aspx) ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới;

+ Nghị định số [30/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-30-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-139-2018-nd-cp-kinh-doanh-dich-vu-kiem-dinh-xe-co-gioi-562732.aspx) ngày 08/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [139/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-139-2018-nd-cp-quy-dinh-ve-kinh-doanh-dich-vu-kiem-dinh-xe-co-gioi-396516.aspx) ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới;

+ Nghị định số [121/2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-121-2024-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-139-2018-nd-cp-kinh-doanh-dich-vu-kiem-dinh-xe-co-gioi-626369.aspx) ngày 03/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [139/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-139-2018-nd-cp-quy-dinh-ve-kinh-doanh-dich-vu-kiem-dinh-xe-co-gioi-396516.aspx) ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số [30/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-30-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-139-2018-nd-cp-kinh-doanh-dich-vu-kiem-dinh-xe-co-gioi-562732.aspx) ngày 08/6/2023 của Chính phủ.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

*Điều khoản chuyển tiếp*

- Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới trước ngày Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa đáp ứng được điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định này thì được tiếp tục hoạt động đến hết ngày 31/12/2028.

- Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới nhưng chưa được Tổ chức đánh giá sự phù hợp kiểm tra, đánh giá theo quy định tại khoản 10 Điều 22 của Nghị định này phải được kiểm tra, đánh giá sự phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm trước ngày 01/01/2029.

- Đăng kiểm viên xe cơ giới đã được cấp chứng chỉ đăng kiểm viên trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì được tính tương đương như đăng kiểm viên hạng II; đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao đã được cấp chứng chỉ đăng kiểm viên trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì được tính tương đương như đăng kiểm viên hạng I.

- Các phương tiện đã được xác định có niên hạn sử dụng hoặc không có niên hạn sử dụng trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục được áp dụng theo niên hạn sử dụng đã được xác định.

- Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đã nộp tại Sở Giao thông vận tải hoặc Cục Đăng kiểm Việt Nam trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của Nghị định số [139/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-139-2018-nd-cp-quy-dinh-ve-kinh-doanh-dich-vu-kiem-dinh-xe-co-gioi-396516.aspx) ngày 08/10/2018, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số [30/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-30-2023-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-139-2018-nd-cp-kinh-doanh-dich-vu-kiem-dinh-xe-co-gioi-562732.aspx) ngày 08/6/2023 và Nghị định số [121/2024/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-121-2024-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-139-2018-nd-cp-kinh-doanh-dich-vu-kiem-dinh-xe-co-gioi-626369.aspx) ngày 03/10/2024 của Chính phủ.

- Các phôi giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định theo mẫu tại Thông tư số [16/2021/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-16-2021-tt-bgtvt-bao-ve-moi-truong-phuong-tien-giao-thong-co-gioi-duong-bo-484636.aspx) ngày 12/8/2021 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, Thông tư số [16/2014/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-16-2014-tt-bgtvt-dieu-kien-xe-cho-hang-bon-banh-gan-dong-co-giao-thong-duong-bo-233187.aspx) ngày 13/5/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về điều kiện đối với xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông đường bộ, Thông tư số [86/2014/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-86-2014-tt-bgtvt-dieu-kien-xe-cho-nguoi-4-banh-co-gan-dong-co-265423.aspx) ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế, Thông tư số [89/2015/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-89-2015-tt-bgtvt-chat-luong-an-toan-xe-may-chuyen-dung-302468.aspx) ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng đã sản xuất thì được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 30/6/2025.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Ngày 27/6/2024, Quốc hội khóa XV thông qua Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025, Luật sửa đổi, bổ sung các quy định về các nội dung có liên quan đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ; trong đó có quy định giao Chính phủ quy định việc tổ chức, hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, niên hạn sử dụng của xe cơ giới, chi tiết cụ thể như sau:

+ Tại khoản 1 Điều 34 quy định xe cơ giới bao gồm: xe ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ; kiểm định khí thải xe mô tô; xe gắn máy và các loại xe tương tự;

+ Tại khoản 4 Điều 40 giao Chính phủ quy định chi tiết về niên hạn sử dụng của xe cơ giới; điểm a khoản 1 Điều 46 quy định xe ô tô chở trẻ em mầm non, học sinh có niên hạn sử dụng không quá 20 năm;

+ Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 42 quy định: “*1. Các loại xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ phải được kiểm định theo quy định của pháp luật. 2. Việc kiểm định đối với xe mô tô, xe gắn máy chỉ thực hiện kiểm định khí thải*”.

+ Tại điểm e khoản 5 Điều 42 giao Bộ trưởng Bộ GTVT quy định nội dung về: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

+ Tại khoản 1 Điều 43 quy định “*Cơ sở đăng kiểm là tổ chức cung cấp dịch vụ công thực hiện kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được tổ chức, hoạt động theo quy định của Chính phủ*”;

- Luật Đầu tư năm 2020 quy định “*Kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới*” thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (Phụ lục IV ban hành kèm theo Luật Đầu tư). Ngoài ra, căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 42 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ nêu trên có thể hiểu, việc kiểm định khí thải đối với xe mô tô, xe gắn máy là một phần của hoạt động kiểm định xe cơ giới và do Chính phủ quy định theo thẩm quyền.

- Ngày 27/7/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 717/QĐ-TTg ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7. Trong đó giao Chính phủ ban hành Nghị định quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, niên hạn sử dụng đối với xe cơ giới.

**c) Nội dung chủ yếu:**Nghị định bao gồm 06 Chương, 28 Điều và 12 Phụ lụcquy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới, cụ thể như sau:

- Chương I: Những quy định chung gồm từ Điều 1 đến Điều 3;

- Chương II: Điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới gồm từ Điều 4 đến Điều 8;

- Chương III: Tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm gồm từ Điều 9 đến điều 17;

- Chương IV: Niên hạn sử dụng của xe cơ giới gồm Điều 18 và Điều 19;

- Chương V: Tổ chức thực hiện gồm từ Điều 20 đến Điều 26;

- Chương VI: Điều khoản thi hành gồm Điều 27 và Điều 28;

- 12 Phụ lục bao gồm:

**+ Phụ lục I: Mẫu sổ phân công nhiệm vụ kiểm định;**

**+ Phụ lục II: Mẫu thông báo sự cố hư hỏng/thay đổi phương tiện đo;**

**+ Phụ lục III: Mẫu thông báo thay đổi nhân sự;**

**+ Phụ lục IV: Mẫu phôi giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định;**

**+ Phụ lục V: Mẫu đề nghị cung cấp phôi giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định;**

**+ Phụ lục VI: Mẫu thông báo cấp phôi giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định;**

**+ Phụ lục VII: Mẫu sổ theo dõi, nhập, cấp phát phôi giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định;**

**+ Phụ lục VIII: Mẫu đề nghị kiểm tra, đánh giá việc quản lý sử dụng phôi giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định;**

**+ Phụ lục IX: Mẫu biên bản kiểm tra, đánh giá việc quản lý sử dụng phôi giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định;**

**+ Phụ lục X: Mẫu thông báo kết quả thực hiện quản lý hoạt động kiểm định trên địa bàn;**

**+ Phụ lục XI: Mẫu báo cáo danh sách phương tiện hết niên hạn sử dụng;**

**+ Phụ lục XII: Mẫu báo cáo thu hồi giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định.**

- Phạm vi điều chỉnh:

+ Điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, bao gồm: kiểm định xe ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ; kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

+ Tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm.

+ Niên hạn sử dụng đối với các loại xe ô tô chở hàng, bao gồm cả xe ô tô chở hàng chuyên dùng; xe ô tô chở người có số người cho phép chở từ 09 người trở lên, không kể người lái xe; xe ô tô chở trẻ em mầm non, xe ô tô chở học sinh, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe chở người bốn bánh có gắn động cơ.

- Đối tượng áp dụng:

+ Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến:

(i) Hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; kiểm định xe máy chuyên dùng;

(ii) Quản lý, sử dụng xe cơ giới và xe cải tạo có quy định về niên hạn sử dụng, trừ các trường hợp xe cơ giới không áp dụng niên hạn sử dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

+ Nghị định này không áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

*Nội dung chủ yếu của Nghị định*

- Chương I: Những quy định chung

Quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ. Nội dung Chương này của dự thảo Nghị định cơ bản nêu các nội dung theo phạm vi trách nhiệm đã được nêu trong Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và có kế thừa các quy định có tính ổn định, phù hợp với thực tiễn tại Nghị định trước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Chương II: Điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới

+ Điều 4. Quy định điều kiện chung đối với cơ sở đăng kiểm và cơ sở kiểm định khí thải.

+ Mục 1: Điều kiện đối với cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, gồm 02 Điều (Điều 5 và Điều 6) quy định các điều kiện về diện tích và nhân lực của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới. Về cơ bản nội dung này kế thừa tính ổn định, phù hợp với thực tiễn tại các Nghị định trước.

+ Mục 2: Điều kiện đối với cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy, gồm 02 Điều (Điều 7 và Điều 8) quy định các điều kiện về diện tích và nhân lực của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới.

- Chương III: Tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm

Quy định về cơ cấu tổ chức; nguyên tắc hoạt động; quy định trong quá trình hoạt động; các trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định của cơ sở đăng kiểm và thủ tục ngừng hoạt động kiểm định xe cơ giới. Nội dung này xây dựng bổ sung trên cơ sở tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 41 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Chương IV: Niên hạn sử dụng của xe cơ giới

Quy định về niên hạn sử dụng; xác định năm sản xuất của xe và trình tự thủ tục kiểm tra xác định năm sản xuất; về cơ bản nội dung này kế thừa các nội dung mang tính ổn định của Nghị định số 95/2009/NĐ-CP và bổ sung một số nội dung trong Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ đã giao.

- Chương V: Tổ chức thực hiện

Quy định về trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; kiểm định xe máy chuyên dùng; quản lý, sử dụng xe có quy định về niên hạn sử dụng.

- Chương VI: Điều khoản thi hành

Quy định điều khoản chuyển tiếp, hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành.

**11. Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, trừ quy định tại khoản 2 Điều 53 Nghị định này.

Quy định tại điểm m khoản 3 Điều 6, điểm e khoản 4 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 27 của Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026; quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Nghị định này có hiệu lực thi hành theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường về kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Trường hợp hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ xảy ra và kết thúc trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét giải quyết thì áp dụng nghị định đang có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm để xử phạt.

Trường hợp hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện, thì áp dụng nghị định đang có hiệu lực tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm để xử phạt.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

*Cơ sở pháp lý*

Ngày 27/6/2024, Quốc hội khóa XV thông qua Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025. Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định nhiều nội dung mới về quy tắc, phương tiện, người tham gia giao thông đường bộ, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ trong vận chuyển hàng hóa, hành khách, xe chở học sinh, trẻ em mầm non, xe cứu hộ, xe cứu thương; các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; phân công quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ; quy định về điểm, trừ điểm, phục hồi điểm của giấy phép lái xe.

*Cơ sở thực tiễn*

+ Qua thực tiễn 05 năm triển khai thực hiện Nghị định số 100/2019/NĐ-CP, Nghị định số 123/2021/NĐ-CP về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Tuy nhiên, tình hình trật tự, an toàn giao thông đường bộ vẫn diễn biến phức tạp; xảy ra một số vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng, gây thiệt hại lớn về người và tài sản; tình trạng vi phạm pháp luật về trât tự, an toàn giao thông đường bộ vẫn diễn ra phổ biến. Ngoài ra, cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, nhiều loại hình phương tiện giao thông đường bộ mới được đưa vào sử dụng nên cần phải có quy định bao quát, đầy đủ hơn.

+ Việc tước quyền sử dụng giấy phép lái xe tác động không nhỏ đến các hoạt động đi lại, sản xuất kinh doanh, đời sống hàng ngày của người dân khi không được phép điều khiển phương tiện. Việc tước quyền sử dụng giấy phép lái xe được thực hiện thủ công, nhiều người vi phạm bỏ giấy phép không đến nhận, tồn đọng nhiều giấy phép lái xe tại cơ quan xử phạt, dẫn đến lãng phí, tăng chi phí, nhân lực nhưng vẫn chưa quản lý được quá trình chấp hành pháp luật của người lái xe.

+ Ngày 06/01/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 06/QĐ-TTg phê duyệt đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó, đề ra nhiệm vụ, giải pháp cụ thể như: Phát triển, hoàn thiện và triển khai hiệu quả ứng dụng di động Công dân số (VNEID) trên cơ sở mở rộng tích hợp các thông tin, dịch vụ như y tế, bảo hiểm xã hội, giấy phép lái xe, hoạt động ngân hàng, ứng cứu khẩn cấp, phản ánh hiện trường, tố giác tội phạm...

- Mục đích ban hành:

+ Việc xây dựng Nghị định nhằm cụ thể hoá Nghị quyết số 27-NQ/TW, bảo đảm phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, sự thống nhất với các văn bản khác có liên quan và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

+ Bảo đảm sự đầy đủ, toàn diện, thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, trật tự, an toàn giao thông đường bộ, tạo thuận lợi trong áp dụng pháp luật, khắc phục những vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe cho người tham gia giao thông, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, góp phần bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền công dân.

**c) Nội dung chủ yếu:** Nghị định gồm 04 Chương, 55 Điều quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe, cụ thể như sau:

- Phạm vi điều chỉnh:

+ Xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ bao gồm: hành vi vi phạm hành chính; hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh đối với hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

+ Mức trừ điểm giấy phép lái xe đối với từng hành vi vi phạm hành chính; trình tự, thủ tục, thẩm quyền trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe để quản lý việc chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của người lái xe.

- Đối tượng áp dụng:

+ Cá nhân, tổ chức Việt Nam; cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Tổ chức gồm: Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao; Đơn vị sự nghiệp công lập; Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp; Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp gồm: doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và các đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện); Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã gồm: tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Cơ sở đào tạo lái xe, trung tâm sát hạch lái xe, cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, cơ sở thử nghiệm, sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, bảo hành, bảo dưỡng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; Các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật; Cơ quan, tổ chức nước ngoài được cấp có thẩm quyền của Việt Nam cho phép hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

+ Hộ kinh doanh, hộ gia đình thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm.

+ Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.

+ Người có thẩm quyền trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe.

- Nghị định gồm 04 chương, 55 điều: Chương I (Những quy định chung) gồm 05 điều, từ Điều 1 đến Điều 5; Chương II (Hành vi vi phạm, hình thức, mức xử phạt, mức trừ điểm giấy phép lái xe và biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ) gồm 35 điều, từ Điều 6 đến Điều 40; Chương III (Thẩm quyền, thủ tục xử phạt, trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe) gồm 11 điều, từ Điều 41 đến Điều 51; Chương IV (Điều khoản thi hành) gồm 04 điều, từ Điều 52 đến Điều 55.

- Các quy định chính gồm: Hành vi vi phạm, hình thức, mức xử phạt, mức trừ điểm giấy phép lái xe và biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; thẩm quyền, thủ tục xử phạt, trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe.

*Một số điểm mới của Nghị định so với Nghị định trước*

+ Bổ sung đối tượng bị xử phạt như xe chở học sinh, trẻ em mầm non, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe cứu hộ giao thông đường bộ, xe vận chuyển động vật sống, thực phẩm tươi sống, xe cứu thương.

+ Bổ sung, mô tả lại một số hành vi vi phạm để phù hợp với Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và thực tiễn.

+ Tăng mức phạt tiền một số hành vi vi phạm lỗi cố ý, là nguyên nhân trực tiếp gây tai nạn giao thông.

+ Bổ sung quy định về trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe.

**12. Nghị định số 169/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động của Ủy ban nhân dân phường của thành phố Hà Nội**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

Kết quả tổng kết 03 năm thực hiện Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 97/2019/QH14 (Nghị định số 32/2021/NĐ-CP) đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, nhiều quy định của Nghị định số 32/2021/NĐ-CP không phù hợp với quy định của Luật Thủ đô, hoặc đã được luật hóa Thủ đô quy định, cụ thể như: (1) Về cơ cấu của UBND phường, tập thể UBND phường; (2) Về căn cứ xác định, thẩm quyền quyết định và tổng số lượng công chức làm việc tại UBND phương; (3) Quy định về ủy quyền của Chủ tịch UBND phường đối với công chức trong việc giải quyết các thủ tục hành chính; (4) Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức phường (5) Quy định về lập dự toán và quyết toán ngân sách phường…

Trên cơ sở kết quả đạt được sau 03 năm thực hiện thí điểm, Quốc hội đã ban hành Luật Thủ đô năm 2024 quy định thực hiện chính thức tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội; đồng thời có những quy định mới, cần phải được quy định chi tiết, như việc thống nhất quản lý chế độ công vụ theo hướng đồng bộ, liên thông cán bộ, công chức phường với cán bộ, công chức cấp huyện trở lên. Từ những cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, nhằm áp dụng chính thức và hoàn thiện mô hình tổ chức chính quyền đô thị; bảo đảm tổ chức và hoạt động của UBND phường của thành phố Hà Nội trong mô hình tổ chức chính quyền đô thị tinh gọn, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, liên thông, phù hợp với vai trò, vị trí và yêu cầu phát triển của Thủ đô trong giai đoạn phát triển mới thì việc ban hành nghị định của Chính phủ quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động của Ủy ban nhân dân phường của thành phố Hà Nội là cần thiết.

- Mục đích ban hành: Việc ban hành Nghị định nhằm quy định cụ thể về tổ chức, hoạt động của UBND phường và chế độ trách nhiệm của Chủ tịch UBND phường bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền đô thị theo quy định tại Luật Thủ đô năm 2024.

**c) Nội dung chủ yếu:** Nghị định gồm 03 Chương, 11 Điều quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động của Ủy ban nhân dân phường của thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

- Chương I: Quy định chung gồm 02 điều về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Chương II: Tổ chức và hoạt động của UBND phường (gồm 06 điều, từ Điều 3 đến Điều 8).

Quy định viện dẫn cơ cấu tổ chức của UBND phường theo Luật Thủ đô năm 2024 và quy định cụ thể các chức danh công chức khác làm việc tại UBND phường; nguyên tắc hoạt động của UBND phường; quy định cụ thể trách nhiệm của Chủ tịch UBND phường, trách nhiệm của Phó Chủ tịch UBND phường và trách nhiệm của các công chức khác của UBND phường; việc tổ chức các cuộc họp của UBND phường.

- Chương III: Điều khoản thi hành (gồm 03 điều, từ Điều 9 đến Điều 11)

Quy định về điều khoản chuyển tiếp với các nội dung sau: (1) Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường được bổ nhiệm trước ngày 01/01/2025 tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Thời hạn giữ chức vụ tính theo quyết định bổ nhiệm; (2) Chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường, công chức khác làm việc tại UBND phường thực hiện theo quy định của Chính phủ về cán bộ, công chức cấp xã.

- Phạm vi điều chỉnh: Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 13 Luật Thủ đô, dự thảo Nghị định xác định phạm vi điều chỉnh là tổ chức, hoạt động của UBND phường của thành phố Hà Nội.

- Đối tượng điều chỉnh: Nghị định này áp dụng đối với UBND phường, công chức làm việc tại UBND phường của Thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

*Nội dung cơ bản của Nghị định*

- Quy định về cơ cấu tổ chức của UBND phường: được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 Luật Thủ đô.

- Không quy định số lượng cán bộ, công chức phường của thành phố Hà Nội. Theo đó, số lượng cán bộ, công chức phường thuộc biên chế cán bộ, công chức quận do Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định.

- Không quy định về việc Ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường đối với công chức phường. Theo đó, việc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường đối với công chức phường do Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định.

- Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Ủy ban nhân dân phường phải được thảo luận tập thể trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Theo đó, quy định mới của Nghị định là: Tập thể quy định tại khoản này gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường và công chức khác có liên quan.

- Quy định chuyển tiếp: Áp dụng quy định của Chính phủ về cán bộ, công chức cấp xã về chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân phường, công chức khác làm việc tại Ủy ban nhân dân phường.

**13. Nghị định số 170/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

Kết quả tổng kết 03 năm thực hiện Nghị định số 34/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng cho thấy việc tổ chức mô hình chính quyền đô thị từ ngày 01/7/2021 đến nay đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Trên cơ sở kết quả đạt được sau 03 năm thực hiện thí điểm, Nghị quyết số 136/2024/QH15 của Quốc hội đã quy định thực hiện chính thức tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng; đồng thời có những quy định mới, cần phải được quy định chi tiết, cụ thể là: thống nhất quản lý chế độ công vụ theo hướng đồng bộ cán bộ, công chức phường, xã với cán bộ, công chức cấp huyện trở lên và đẩy mạnh phân cấp cho HĐND thành phố quyết định số lượng cán bộ, công chức làm việc tại phường, xã,…

Từ những cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, nhằm áp dụng chính thức và hoàn thiện mô hình chính quyền đô thị phù hợp với tổ chức, bộ máy, yêu cầu quản lý của thành phố Đà Nẵng thì việc ban hành Nghị định quy định chi tiết về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng là cần thiết.

- Mục đích ban hành:

Việc ban hành Nghị định nhằm quy định cụ thể về tổ chức hoạt động của UBND quận và chế độ trách nhiệm của Chủ tịch UBND quận; tổ chức hoạt động của UBND phường và chế độ trách nhiệm của Chủ tịch UBND phường; bầu cử, tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức làm việc tại UBND quận và cán bộ, công chức làm việc tại phường, xã; lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách quận, phường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi là Thành phố) bảo đảm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng.

**c) Nội dung chủ yếu:** Nghị định gồm 06 Chương, 22 Điều quy định chi tiết về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

- Chương I về quy định chung gồm 02 điều về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Chương II về tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân quận, chế độ trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận. Chương này có 05 điều từ Điều 3 đến Điều 7 quy định cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân quận; nguyên tắc hoạt động của Ủy ban nhân dân quận; trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; việc tổ chức các cuộc họp của Ủy ban nhân dân quận và tổ chức hội nghị đối thoại giữa Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận với Nhân dân. Nội dung Chương này cơ bản vẫn tiếp tục tương tự quy định tại Nghị định số 34/2021/NĐ-CP, duy trì nguyên tắc cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động. Bên cạnh đó, quy định rõ về vị trí, vai trò, nhiệm vụ của Trưởng Công an quận, Chỉ huy trưởng Quân sự quận trong cơ cấu của Ủy ban nhân dân quận và quy định rõ về thời gian thực hiện việc tổ chức đối thoại giữa Chủ tịch UBND quận với Nhân dân.

- Chương III về tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân phường, chế độ trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường. Chương này có 5 điều từ Điều 8 đến Điều 12 quy định cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân phường; nguyên tắc hoạt động của Ủy ban nhân dân phường; trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; tổ chức các cuộc họp của Ủy ban nhân dân phường và tổ chức hội nghị đối thoại giữa Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường với Nhân dân. Nội dung của Chương này cơ bản tiếp tục tương tự quy định tại Nghị định số 34/2021/NĐ-CP về cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động. Bên cạnh đó, quy định rõ về vị trí, vai trò, nhiệm vụ của Trưởng Công an phường trong cơ cấu của Ủy ban nhân dân phường và quy định rõ về thời gian thực hiện việc tổ chức đối thoại giữa Chủ tịch UBND phường với Nhân dân.

- Chương IV về bầu cử, sử dụng, quản lý cán bộ làm việc tại phường, xã và tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức làm việc tại ủy ban nhân dân quận, ủy ban nhân dân phường, xã. Chương này có 4 điều từ Điều 13 đến Điều 16 quy định số lượng cán bộ, công chức làm việc tại phường, xã; bầu cử, sử dụng và quản lý đối với cán bộ làm việc tại phường, xã; tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân phường, xãvà trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác, thôi giữ chức vụ, từ chức đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân quận, phường. Chương này quy định những nội dung mới để thực hiện chế độ cán bộ, công chức làm việc tại phường, xã thuộc biên chế cán bộ, công chức cấp huyện và được tuyển dụng, quản lý, sử dụng như cán bộ, công chức cấp huyện trở lên.

- Chương V về lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách quận, phường có 03 điều từ Điều 17 đến Điều 19 quy định về lập dự toán ngân sách quận, phường; chấp hành ngân sách quận, phường và quyết toán ngân sách nhà nước. Chương này cơ bản vẫn quy định tương tự các nội dung của Nghị định số 34/2021/NĐ-CP. Bên cạnh đó có điều chỉnh một số nội dung để khắc phục những khó khan vướng mắc khi thực hiện thí điểm chính quyền đô thị.

- Chương VI về điều khoản thi hành gồm 3 điều từ Điều 20 đến Điều 22 quy định về hiệu lực thi hành; điều khoản chuyển tiếp và trách nhiệm thi hành.

- Phạm vi điều chỉnh:

Nghị định này quy định cụ thể về tổ chức hoạt động của UBND quận và chế độ trách nhiệm của Chủ tịch UBND quận; tổ chức hoạt động của UBND phường và chế độ trách nhiệm của Chủ tịch UBND phường; bầu cử, tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức làm việc tại UBND quận và cán bộ, công chức làm việc tại phường, xã; lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách quận, phường trên địa bàn Thành phố (theo đúng nội dung được giao tại điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị quyết số 136/2024/QH15).

- Đối tượng áp dụng:

Đối tượng áp dụng của Nghị định gồm: UBND quận, phường; công chức làm việc tại UBND quận; cán bộ, công chức làm việc tại phường, xã thuộc Thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

*Nội dung cơ bản của Nghị định*

Nghị định quy định cán bộ, công chức làm việc tại phường, xã thuộc biên chế cán bộ, công chức quận, huyện thuộc thành phố; do UBND quận, huyện quản lý, sử dụng. Số lượng cán bộ, công chức làm việc tại phường, xã thực hiện theo quy định của Chính phủ về số lượng cán bộ, công chức cấp xã.

**14. Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Nghị định này thay thế Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản và Nghị định số 47/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

*Cơ sở pháp lý*

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 đã được Quốc hội khoá XV thông qua ngày 27/6/2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản giao Chính phủ quy định chi tiết 04 nội dung gồm: (i) Việc thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền (khoản 19 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản); (ii) Yêu cầu, điều kiện đối với Cổng Đấu giá tài sản quốc gia và yêu cầu, điều kiện, việc thẩm định, phê duyệt trang thông tin đấu giá trực tuyến; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng, quản lý, vận hành, sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, trang thông tin đấu giá trực tuyến; trình tự, thủ tục đấu giá trực tuyến (khoản 28 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản); (iii) Việc trả giá, chấp nhận giá, lựa chọn cách thức trả giá, chấp nhận giá trong đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện (khoản 38 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản); và (iv) Việc xử lý vi phạm người trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư, quyền khai thác khoáng sản (khoản 41 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản).

Trên cơ sở đó, việc xây dựng dự thảo Nghị định quy định các nội dung được Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản giao Chính phủ quy định chi tiết nêu trên, đảm bảo cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ cho việc triển khai có hiệu quả Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản là cần thiết.

*Cơ sở thực tiễn*

Triển khai thi hành Luật Đấu giá tài sản, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản và Nghị định số 47/2023/NĐ-CP ngày 03/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản. Trên cơ sở đó, hoạt động đấu giá đã đạt được nhiều kết quả tích cực; các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản từng bước đi vào hoạt động theo hướng chuyên nghiệp; hình thức đấu giá đa đạng, nhất là hình thức đấu giá trực tuyến tiếp tục được quan tâm, áp dụng ngày càng hiệu quả; các trang thông tin điện tử đấu giá trực tuyến được đầu tư, xây dựng ngày càng bài bản, chất lượng; việc đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện lần đầu tiên tổ chức đấu giá thành công sau 15 năm kể từ khi Luật Tần số vô tuyến điện được Quốc hội thông qua...

Trên cơ sở quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, Chính phủ quy định chi tiết các nội dung được giao để tiếp tục hoàn thiện các quy định về tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản, trình tự, thủ tục đấu giá tài sản, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong hoạt động đấu giá, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động đấu giá tài sản. Theo đó, dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung về thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản đảm bảo chặt chẽ, phù hợp với pháp luật về doanh nghiệp; làm rõ hơn yêu cầu, điều kiện đối với Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, trang thông tin đấu giá trực tuyến, việc thẩm định, phê duyệt đối với trang thông tin đấu giá trực tuyến, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng, quản lý, vận hành, sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, trang thông tin đấu giá trực tuyến; quy định rõ ràng việc trả giá, chấp nhận giá trong đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đảm bảo phù hợp với tính chất đặc thù của tài sản đấu giá và thông lệ của các nước trên thế giới; việc xử lý đối với người trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư, quyền khai thác khoáng sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền trúng đấu giá để đảm bảo thống nhất, đồng bộ trong quá trình thực thi.

**-** Mục đích ban hành: Việc ban hành dự thảo Nghị định nhằm quy định chi tiết các nội dung được giao tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, đảm bảo cơ sở pháp lý đầy đủ, thống nhất để triển khai thi hành có hiệu quả Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, góp phần nâng cao chất lượng của hoạt động đấu giá tài sản và hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước.

**c) Nội dung chủ yếu:** Nghị định gồm 07 Chương, 29 Điều quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15, cụ thể như sau:

- Chương I: Quy định chung (Điều 1 và Điều 2);

- Chương II: Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền (Điều 3 và Điều 4);

- Chương III: Cổng Đấu giá tài sản quốc gia (Từ Điều 5 đến Điều 10);

- Chương IV: Trình tự, thủ tục đấu giá trực tuyến (từ Điều 11 đến Điều 13);

- Chương V: Trả giá, chấp nhận giá trong đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện (từ Điều 14 đến Điều 24);

- Chương VI: Xử lý vi phạm đối với người trúng đấu giá trong trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư, quyền khai thác khoáng sản (Điều 25 và Điều 26);

- Chương VII: Điều khoản thi hành (Từ Điều 27 đến Điều 29).

- Phạm vi điều chỉnh:

Nghị định quy định chi tiết 04 nội dung Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản giao về thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền (khoản 19 Điều 1); yêu cầu, điều kiện đối với Cổng Đấu giá tài sản quốc gia và yêu cầu, điều kiện, việc thẩm định, phê duyệt trang thông tin đấu giá trực tuyến; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng, quản lý, vận hành, sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, trang thông tin đấu giá trực tuyến; trình tự, thủ tục đấu giá trực tuyến (khoản 28 Điều 1); trả giá, chấp nhận giá, lựa chọn cách thức trả giá, chấp nhận giá trong đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện (khoản 38 Điều 1); xử lý vi phạm người trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư, quyền khai thác khoáng sản (khoản 41 Điều 1).

- Đối tượng áp dụng:

Nghị định áp dụng với tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, đấu giá viên, người có tài sản đấu giá, Hội đồng đấu giá tài sản, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng, cơ quan quản lý nhà nước về đấu giá tài sản, cá nhân, tổ chức có liên quan.

Thương nhân, tổ chức không phải là tổ chức hành nghề đấu giá tài sản xây dựng trang thông tin đấu giá trực tuyến theo quy định của pháp luật về thương mại điện tử không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này.

*Nội dung cơ bản của Nghị định*

- Về thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền (Chương II)

Nghị định quy định thủ tục thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền trên cơ sở tham khảo quy định về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Đấu giá tài sản. Theo đó, trường hợp nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền đề nghị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản thì Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đấu giá tài sản đăng ký hoạt động yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đấu giá tài sản đến trụ sở của Sở Tư pháp để giải trình. Căn cứ giải trình của doanh nghiệp đấu giá tài sản, Sở Tư pháp phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan xem xét nội dung giải trình để xem xét, quyết định việc thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản đó.

Cơ quan có thẩm quyền đề nghị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin đề nghị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản và có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp trong quá trình xem xét, thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản.

- Về Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, trang thông tin đấu giá trực tuyến (Chương III)

Nghị định quy định chi tiết về Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, trang thông tin đấu giá trực tuyến trên cơ sở kế thừa các quy định còn phù hợp của Nghị định số 47/2023/NĐ-CP, đồng thời, rà soát, bổ sung một số nội dung để hoàn thiện liên quan đến yêu cầu, điều kiện đối với Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, trang thông tin đấu giá trực tuyến, việc thẩm định điều kiện đối với trang thông tin đấu giá trực tuyến, cụ thể như sau:

+ Về yêu cầu, điều kiện đối với Cổng Đấu giá tài sản quốc gia[[3]](#footnote-3), trang thông tin đấu giá trực tuyến

Để đảm bảo tính chặt chẽ, minh bạch, khách quan, dự thảo Nghị định quy định cụ thể các yêu cầu, điều kiện đối với Cổng Đấu giá tài sản quốc gia và trang thông tin đấu giá trực tuyến như yêu cầu về công khai, không hạn chế truy cập, tiếp cận thông tin, hoạt động ổn định, liên tục và phải đạt cấp độ 3 theo quy định pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng các yêu cầu về việc kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ thông tin và có các chức năng nghiệp vụ tối thiểu như đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin của người tham gia đấu giá, tài khoản truy cập, việc tham gia trả giá, giá đã trả bằng mã số riêng, hiển thị công khai, trung thực giá trả của người tham gia đấu giá; thực hiện ghi lại thông tin và truy xuất được lịch sử các giao dịch, người tham gia đấu giá không thể nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá sau thời điểm kết thúc nộp hồ sơ, thực hiện việc trả giá sau thời điểm kết thúc cuộc đấu giá...

+ Về việc thẩm định, phê duyệt trang thông tin đấu giá trực tuyến[[4]](#footnote-4)

Trên cơ sở rà soát quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, quy định và thực tiễn triển khai Nghị định số 47/2023/NĐ-CP cũng như các quy định pháp luật có liên quan về công nghệ thông tin, an toàn, an ninh mạng, dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể, chi tiết các yêu cầu, điều kiện, thủ tục thẩm định đối với trang thông tin đấu giá trực tuyến đảm bảo tính chặt chẽ, khả thi, thuận lợi cho tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong việc nghiên cứu, xây dựng và cơ quan quản lý nhà nước trong việc phê duyệt, thẩm định trang thông tin đấu giá trực tuyến.

Bên cạnh đó, trên cơ sở chủ trương, đường lối của Đảng, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương, các yêu cầu, điều kiện, thủ tục thẩm định đối với trang thông tin đấu giá trực tuyến trong dự thảo Nghị định đã được quy định đầy đủ, rõ ràng, chặt chẽ, khả thi và thực hiện việc thẩm định Đề án xây dựng trang thông tin đấu giá trực tuyến[[5]](#footnote-5), dự thảo Nghị định quy định phân cấp từ Bộ trưởng Bộ Tư pháp cho Giám đốc Sở Tư pháp thực hiện việc thẩm định, phê duyệt trang thông tin đấu giá trực tuyến của các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức hành nghề đấu giá, tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện. Theo đó, Giám đốc Sở Tư pháp quyết định thành lập Hội đồng thẩm định trang thông tin đấu giá trực tuyến và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng với thành phần gồm đại diện Sở Tư pháp làm Chủ tịch Hội đồng, đại diện Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia có trình độ, kinh nghiệm trong lĩnh vực đấu giá, công nghệ thông tin. Dự thảo Nghị định cũng đã được rà soát, bổ sung quy định chuyển tiếp đối với trường hợp này để tránh khoảng trống pháp lý.

Hội đồng thẩm định có trách nhiệm thẩm định các điều kiện đối với trang thông tin đấu giá trực tuyến; tính khả thi, hiệu quả của Đề án khi đi vào vận hành bảo đảm các yêu cầu theo quy định. Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, phê duyệt trang thông tin đấu giá trực tuyến trong thời hạn 90 ngày.

+ Dừng việc thực hiện đấu giá trực tuyến

Dự thảo Nghị định quy định định kỳ hằng năm hoặc trong trường hợp đột xuất, Sở Tư pháp tiến hành kiểm tra việc quản lý, vận hành trang thông tin đấu giá trực tuyến. Trường hợp trang thông tin đấu giá trực tuyến không đáp ứng điều kiện theo quy định thì yêu cầu nâng cấp hệ thống đấu giá trực tuyến. Tổ chức có trang thông tin đấu giá trực tuyến có trách nhiệm nâng cấp hệ thống đấu giá trực tuyến trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời gian thực hiện việc nâng cấp hệ thống đấu giá trực tuyến, tổ chức có trang thông tin đấu giá trực tuyến không được sử dụng trang thông tin đấu giá trực tuyến này để tổ chức đấu giá bằng hình thức trực tuyến.

Trường hợp sau khi nâng cấp mà trang thông tin đấu giá trực tuyến không đáp ứng yêu cầu, điều kiện theo quy định thì Giám đốc Sở Tư pháp xem xét dừng việc thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến đối với trang thông tin đấu giá trực tuyến đó.

+ Về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng, quản lý, vận hành, sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, trang thông tin đấu giá trực tuyến

Nghị định quy định cụ thể về trách nhiệm của các chủ thể gồm có Bộ Tư pháp, tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, tổ chức có trang thông tin đấu giá trực tuyến trong việc xây dựng, quản lý, vận hành, sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, trang thông tin đấu giá trực tuyến đảm bảo bám sát trách nhiệm, quyền hạn của từng cơ quan theo quy định. Đồng thời, để đảm bảo chặt chẽ, trên cơ sở kế thừa quy định của Nghị định số 47/2023/NĐ-CP, dự thảo Nghị định trách nhiệm của người tham gia đấu giá khi tham gia Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, trang thông tin đấu giá trực tuyến như đảm bảo trang thiết bị khi tham gia đấu giá; chịu trách nhiệm trong trường hợp hệ thống mạng của mình gặp sự cố dẫn đến không thể tham gia đấu giá, trả giá, quản lý và bảo mật tài khoản, mật khẩu được cấp.

Nghị định quy định trách nhiệm của tổ chức vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia dựa trên quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản tại khoản 28 Điều 1 *“Chính phủ quy định chi tiết yêu cầu, điều kiện đối với Cổng Đấu giá tài sản quốc gia và yêu cầu, điều kiện, việc thẩm định, phê duyệt trang thông tin đấu giá trực tuyến; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng, quản lý, vận hành, sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, trang thông tin đấu giá trực tuyến”* và tại khoản 44 Điều 1 về nhiệm vụ quyền hạn của Bộ Tư pháp *“Xây dựng, quản lý và hướng dẫn sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia đáp ứng yêu cầu về bảo mật, an toàn an ninh thông tin; giao nhiệm vụ vận hành cho cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện”*. Theo đó, cần thiết phải có tổ chức để vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia và vận hành hệ thống đấu giá trực tuyến. Bộ Tư pháp sẽ xem xét việc giao cơ quan chuyên môn hoặc thành lập tổ chức trực thuộc vận hành Cổng Đấu giá trên cơ sở nguyên tắc không phát sinh biên chế và không sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Về trình tự, thủ tục đấu giá trực tuyến (Chương IV)

Trên cơ sở tham khảo một số mô hình về đấu giá trực tuyến trên thế giới, tiếp tục kế thừa các quy định còn phù hợp của Nghị định số 47/2023/NĐ-CP về hình thức đấu giá trực tuyến, Nghị định quy định cụ thể trình tự đấu giá bằng hình thức trực tuyến đảm bảo đồng bộ, thống nhất trên môi trường internet. Người tham gia đấu giá đăng ký tham gia đấu giá, mua hồ sơ mời tham gia đấu giá thì được tổ chức hành nghề đấu giá tài sản cấp một tài khoản truy cập. Người tham gia đấu giá sử dụng tài khoản truy cập để xem tài sản, nộp hồ sơ tham gia đấu giá, nộp tiền đặt trước và tham dự phiên đấu giá theo Quy chế cuộc đấu giá. Thời gian trả giá của cuộc đấu giá do tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thỏa thuận với người có tài sản nhưng tối thiểu là mười lăm phút.

Để đảm bảo tính khách quan, công khai, minh bạch, kết quả cuộc đấu giá trực tuyến được đăng công khai trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia hoặc trang thông tin đấu giá trực tuyến và được gửi vào địa chỉ thư điện tử của người tham gia đấu giá ngay sau khi đấu giá viên công bố người trúng đấu giá. Biên bản đấu giá trực tuyến phải ghi nhận thời điểm bắt đầu tiến hành đấu giá, thời điểm kết thúc cuộc đấu giá, số người tham gia đấu giá, giá trúng đấu giá, người trúng đấu giá. Diễn biến của phiên đấu giá được hệ thống đấu giá trực tuyến ghi nhận phải được trích xuất, có xác nhận của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản vận hành trang thông tin đấu giá trực tuyến và đính kèm biên bản đấu giá.

- Về việc trả giá, chấp nhận giá trong đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện (Chương V)

Nghị định quy định chi tiết việc trả giá, chấp nhận giá trong đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện với các nội dung gồm: (i) Tiêu chí lựa chọn cách thức trả giá, chấp nhận giá trong đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện; (ii) Trả giá, chấp nhận theo hai giai đoạn gồm giai đoạn xác định số lượng khối băng tần trúng đấu giá và giai đoạn xác định vị trí khối băng tần trúng đấu giá; (iii) Trả giá theo số lượng các khối băng tần đăng ký mua và được thay đổi khối băng tần trả giá tại các vòng đấu giá.

Việc xây dựng quy định cụ thể về trả giá, chấp nhận giá theo hai giai đoạn và trả giá theo số lượng khối băng tần đăng ký mua được thực hiện trên cơ sở đặc thù của tài sản là quyền sử dụng tần số vô tuyến điện và nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm về đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện của các nước phát triển trên thế giới. Dự thảo Nghị định quy định đối với trường hợp trả giá, chấp nhận giá theo hai giai đoạn sẽ bao gồm giai đoạn xác định số lượng khối băng tần trúng đấu giá và giai đoạn xác định vị trí khối băng tần trúng đấu giá. Đối với trường hợp trả giá theo số lượng các khối băng tần đăng ký mua và thay đổi khối băng tần trả giá tại các vòng đấu giá thì cuộc đấu giá sẽ bao gồm nhiều vòng trả giá, người tham gia đấu giá được quyền chuyển đổi trả giá từ khối băng tần này sang khối băng tần khác tại các vòng trả giá. Sau từng vòng đấu giá, người có giá trả cao nhất được coi là người trả giá cao nhất tạm thời của vòng đấu giá đó. Phương thức này đảm bảo cho các doanh nghiệp tham gia đấu giá được linh hoạt quyết định khối băng tần muốn mua căn cứ vào diễn biến cuộc đấu giá và khả năng tài chính của doanh nghiệp.

- Về việc xử lý vi phạm đối với người trúng đấu giá trong trường hợp giao đất cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư, quyền khai thác khoáng sản

Nghị định quy định chi tiết việc xử lý vi phạm đối với người trúng đấu giá trên cơ sở tham khảo các quy định Luật Đấu thầu và Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Theo đó, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành quyết định huỷ quyết định công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư, quyền khai thác khoáng sản do người trúng đấu giá vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền trúng đấu giá. Trên cơ sở tính chất, mức độ vi phạm đối với việc nộp tiền trúng đấu giá, dự thảo Nghị định đã quy định chi tiết việc xử lý vi phạm đối với người trúng đấu giá vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền trúng đấu giá theo hướng trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền trúng đấu giá thì bị cấm từ 2 năm đến 5 năm và trường hợp người trúng đấu giá nộp tiền trúng đấu giá không đầy đủ thì bị cấm từ 06 tháng đến 3 năm.

Nội dung chính của quyết định cấm tham gia đấu giá gồm có tên cơ quan có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân bị cấm; thời gian cấm; phạm vi cấm; hiệu lực thi hành cua quyết định. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định cấm tham gia đấu giá, cơ quan có thẩm quyền quyết định cấm tham gia đấu giá có trách nhiệm gửi quyết định cấm tham gia đấu giá đến tổ chức, cá nhân bị cấm và cơ quan, tổ chức có liên quan; đồng thời gửi đến Bộ Tư pháp để đăng tải trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để công khai cho các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, người có tài sản, người tham gia đấu giá và các cá nhân, tổ chức có liên quan được biết.

Nghị định cũng quy định rõ trường hợp tổ chức, cá nhân bị cấm tham gia đấu giá không đồng ý với quyết định cấm tham gia đấu giá thì có quyền khiếu nại, khởi kiện ra Tòa án theo quy định của pháp luật; thời hiệu áp dụng biện pháp cấm tham gia đấu giá là 01 năm kể từ ngày ban hành quyết định huỷ quyết định công nhận kết quả đấu giá.

- Về quy định chuyển tiếp

Để đảm bảo tính liên tục, ổn định của việc thực hiện các quy định pháp luật, tránh khoảng trống pháp lý, trên cơ sở rà soát, kế thừa quy định của Luật Đấu giá tài sản, Nghị định số 62/2017/NĐ-CP và Nghị định số 47/2023/NĐ-CP, dự thảo Nghị định quy định điều khoản chuyển tiếp đối với trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đã nộp Đề án thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến theo quy định của Nghị định số 62/2017/NĐ-CP, Nghị định số 47/2023/NĐ-CP trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; trách nhiệm bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống đấu giá trực tuyến của các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có Trang thông tin đấu giá trực tuyến theo yêu cầu, điều kiện của Nghị định này.

- Về hiệu lực thi hành

Nghị định số 62/2017/NĐ-CP quy định 03 nội dung: (i) Cấp, thu hồi Thẻ đấu giá viên; (ii) Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành và (iii) Hình thức đấu giá trực tuyến. Hiện nay, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản đã bỏ quy định về cấp, thu hồi Thẻ đấu giá viên; quy định về đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành đã hết thời hạn triển khai; quy định về hình thức đấu giá trực tuyến đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 47/2023/NĐ-CP. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản đã quy định mang tính nguyên tắc về đấu giá trực tuyến và trình tự, thủ tục đấu giá trực tuyến. Như vậy, Nghị định số 62/2017/NĐ-CP không còn nội dung quy định chi tiết Luật Đấu giá tài sản. Nghị định số 47/2023/NĐ-CP cần được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản. Dự thảo Nghị định đã điều chỉnh đầy đủ các nội dung của Nghị định số 62/2017/NĐ-CP và Nghị định số 47/2023/NĐ-CP. Do đó, dự thảo Nghị định quy định về việc bãi bỏ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP và Nghị định số 47/2023/NĐ-CP để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

**15. Nghị định số 176/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng kinh phí thu từ xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và đấu giá biển số xe sau khi nộp vào ngân sách nhà nước**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

*Cơ sở pháp lý*

Khoản 1 Điều 4 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định: *“Bảo đảm Ngân sách nhà nước, cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị hiện đại, các điều kiện bảo đảm và nâng cao năng lực thực thi nhiệm vụ của lực lượng trực tiếp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Huy động, sử dụng các nguồn lực để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Bố trí tương ứng từ các khoản thu tiền xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và tiền đấu giá biển số xe sau khi nộp Ngân sách nhà nước để tăng cường, hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị, phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông theo quy định của Chính phủ”.* Để triển khai việc xây dựng các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật và bảo đảm các văn bản được ban hành có hiệu lực thi hành cùng thời điểm của Luật, ngày 27/7/2024, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 717/QĐ-TTg ban hành Danh mục và phân công Bộ Công an văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7; trong đó, giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng Nghị định quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thu từ xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và đấu giá biển số xe.

*Cơ sở thực tiễn*

Hiện nay, chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định đầy đủ, rõ ràng, toàn diện về việc quản lý, sử dụng kinh phí thu từ xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và đấu giá biển số xe, do vậy, trong thực tiễn áp dụng còn nhiều khó khăn, như: *Một là*, khó dự toán kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, nhất là nhiệm vụ đột xuất trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông. *Hai là*, hoạt động bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là nhiệm vụ liên quan đến nhiều bộ, ngành, địa phương, với sự tham gia của nhiều lực lượng, cơ quan khác nhau từ trung ương đến địa phương. Tuy nhiên, hiện nay mới chỉ quy định bố trí kinh phí cho một số cơ quan (Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải…) mà chưa có quy định về việc sử dụng kinh phí từ nguồn trên cho hoạt động bảo đảm trật tự, an toàn giao thông của các cơ quan khác, nhất là Ủy ban nhân dân các cấp. *Ba là*, Bộ Công an đang tập trung nguồn lực để tăng cường hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị cho lực lượng Cảnh sát giao thông theo Nghị quyết số 12-NQ/TW của Bộ Chính trị trong khi kinh phí chi thường xuyên, chi đầu tư của Bộ Công an còn rất hạn chế.

- Mục đích ban hành:

+ Tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý về việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí thu từ xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và đấu giá biển số xe nhằm bảo đảm được cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị kỹ thuật hiện đại các điều kiện bảo đảm và nâng cao năng lực thực thi nhiệm vụ của lực lượng trực tiếp tham gia công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

+ Quy định về việc bảo đảm ngân sách nhà nước, bố trí tương ứng từ các khoản thu tiền xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và tiền đấu giá biển số xe sau khi nộp ngân sách nhà nước để tăng cường, hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị, phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông.

**c) Nội dung chủ yếu:** Nghị định gồm 04 Chương, 09 Điều quy định quản lý, sử dụng kinh phí thu từ xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và đấu giá biển số xe sau khi nộp vào ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

- Chương I (Quy định chung, gồm 02 điều, từ Điều 1 đến Điều 2 quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng);

- Chương II (Lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thu từ xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và đấu giá biển số xe sau khi nộp vào ngân sách nhà nước, gồm 02 điều, từ Điều 3 đến Điều 4 quy định về lập dự toán kinh phí và quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thu từ xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và đấu giá biển số xe sau khi nộp vào ngân sách nhà nước;

- Chương III (Nội dung chi và mức chi kinh phí thu từ xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ đấu giá biển số sau khi nộp vào ngân sách nhà nước, gồm 03 điều, từ Điều 5 đến Điều 7 quy định về nội dung chi; mức chi đối với nguồn kinh phí thu từ xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và đấu giá biển số xe sau khi nộp vào ngân sách nhà nước);

- Chương IV (Điều khoản thi hành, gồm 02 điều, từ Điều 8 đến Điều 9 quy định về hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện).

- Phạm vi điều chỉnh:Nghị định này quy định về nguyên tắc bố trí dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí, nội dung chi, mức chi kinh phí thu từ xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và đấu giá biển số xe sau khi nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối tượng áp dụng: Các cơ quan được sử dụng kinh phí thu từ xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, gồm: Bộ Công an; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Bộ Công an được sử dụng một phần kinh phí từ nguồn thu đấu giá biển số xe sau khi nộp vào ngân sách nhà nước.

**16. Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Nghị định này thay thế Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

Quy định hưởng trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng đối với 20 năm đầu công tác và 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác tính từ năm thứ 21 trở đi tại điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định này có hiệu lực cho đến trước ngày Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực thi hành.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

*Cơ sở chính trị, pháp lý*

+ Khoản 6 Mục II Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 14/6/2024 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

+ Công văn số 7516-CV/BTCTW ngày 16/12/2024 của Ban Tổ chức Trung ương về chế độ, chính sách đối với cán bộ thôi tái cử cấp ủy và một số trường hợp cán bộ nghỉ công tác, nghỉ hưu.

*Cơ sở thực tiễn*

+ Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 26/2015/NĐ-CP phát sinh một số nội dung cần sửa đổi, bổ sung: (1) Bổ sung đối tượng áp dụng và đối tượng không áp dụng đồng bộ với quy định của Đảng ; (2) Quy định rõ chế độ phụ cấp công tác đảng tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP là chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp theo Quy định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008 của Ban Bí thư để tránh nhầm lẫn với chế độ phụ cấp công tác đảng, đoàn thể chính trị - xã hội; (3) Quy định không thực hiện việc nâng bậc, nâng ngạch trong thời gian chờ nghỉ hưu và tiếp tục thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định; (4) Sửa đổi quy định hiện hành để đồng bộ với quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024; (5) Bổ sung đối tượng áp dụng đối với sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân để bảo đảm áp dụng trực tiếp và không phải ban hành Thông tư để quy định cụ thể.

+ Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 29/2023/NĐ-CP thì chế độ, chính sách tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP cơ bản tương đồng với chế độ, chính sách đối với đối tượng tinh giản biên chế, do vậy cần nghiên cứu, điều chỉnh, bảo đảm thực sự là nguồn động viên đối với cán bộ khi không tái cử, tái bổ nhiệm có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi.

- Mục đích ban hành:

Kịp thời thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ sau đại hội đảng bộ các cấp; xây dựng chính sách phù hợp để động viên, ghi nhận quá trình công tác, cống hiến của cán bộ không đủ tuổi tái cử có nguyện vọng nghỉ công tác; giải quyết những vướng mắc, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý cán bộ.

**c) Nội dung chủ yếu:** Nghị định gồm 07 Điều quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng, cụ thể như sau:

- Phạm vi điều chỉnh:

Nghị định quy định về chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng.

- Đối tượng áp dụng gồm 03 nhóm:

+ Nhóm không đủ tuổi tái cử (còn dưới 30 tháng tính từ thời điểm đại hội đến thời điểm nghỉ hưu), bao gồm:

(i) Cán bộ giữ chức vụ, chức danh chuyên trách do bầu cử (khoản 1 Điều 2); giữ quy định như Nghị định số 26/2015/NĐ-CP, đồng thời bổ sung quy định đối tượng này bao gồm cả Cán bộ quy định tại khoản này áp dụng đối với cả trường hợp cán bộ đủ điều kiện về tuổi tái cử cấp ủy nhưng không đủ tuổi tái cử các chức danh lãnh đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội tại thời điểm bầu cử, đại hội cùng cấp để bầu các chức danh đó. Đối tượng này cũng sẽ được áp dụng chế độ thôi việc, nghỉ hưu trước tuổi.

(ii) Sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân giữ chức vụ, chức danh thuộc cơ cấu tham gia cấp ủy, ủy viên chuyên trách Ủy ban kiểm tra cùng cấp (khoản 2 Điều 2);

(iii) Công chức giữ chức vụ bổ nhiệm có thời hạn mà chức vụ đang giữ thuộc cơ cấu tham gia cấp ủy cùng cấp (khoản 3 Điều 2).

+ Nhóm còn đủ tuổi tái cử (từ 30 tháng đến 60 tháng)

Các trường hợp có thời gian công tác tính từ ngày bắt đầu tổ chức đại hội còn từ 30 tháng đến 60 tháng thì đủ tuổi nghỉ hưu nhưng vì sắp xếp nhân sự cấp ủy, bản thân có nguyện vọng nghỉ hưu và được cấp có thẩm quyền đồng ý (khoản 4 Điều 2).

Bổ sung quy định theo chủ trương của Bộ Chính trị, theo đó đối với trường hợp tự nguyện thôi việc, nghỉ hưu trước tuổi thì có cơ chế để động viên, khuyến khích, giải quyết chế độ nghỉ hưu sớm.

+ Nhóm cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý

Cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý được cấp có thẩm quyền cho nghỉ công tác, nghỉ hưu theo Thông báo Kết luận số 20-TB/KL ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Bộ Chính trị (khoản 5 Điều 2).

Bổ sung quy định theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, tạo cơ sở pháp lý để giải quyết đối với các trường hợp diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý có vi phạm, được cấp có thẩm quyền cho thôi việc, nghỉ hưu sớm.

Bổ sung quy định cho phép áp dụng chế độ đối với trường hợp không bị xử lý kỷ luật nhưng có nguyện vọng thôi việc, nghỉ hưu sớm.

Quy định xử lý đối với các trường hợp đã thôi việc, nghỉ hưu trước ngày nghị định này có hiệu lực để giải quyết vướng mắc đối với một số trường hợp đã thôi việc, nghỉ hưu trong thời gian vừa qua.

- Về chế độ, chính sách:

+ Chế độ nghỉ hưu trước tuổi;

+ Chế độ ghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu.

Bỏ chính sách tiếp tục công tác cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu để giải quyết thực tiễn, theo đó đối với nhiều trường hợp không đủ tuổi tái cử nhưng vẫn lựa chọn ở lại công tác sẽ rất khó sắp xếp, bố trí vị trí công tác; khuyến khích hưởng chế độ để thôi việc, nghỉ hưu ngay.

Các chế độ, chính sách áp dụng đối với người không đủ tuổi tái cử nghỉ hưu trước tuổi tăng hơn so với Nghị định hiện hành theo nguyên tắc cao hơn so với tinh giản biên chế. Cụ thể so tăng từ 3 tháng bình quân lên 5 tháng hiện hưởng cho 20 năm hoặc 15 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội; từ năm tiếp theo được hưởng 0,5 tháng tiền lương/năm có đóng bảo hiểm xã hội; không bị trừ tỷ lệ lương hưu đối với thời gian nghỉ hưu trước tuổi; tăng từ 3 tháng bình quân lên 5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi.

**17. Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Đghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 thi Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về tinh giản biên chế trưị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 thi Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 nă

*Điều khoản chuyển tiếp:* Các trường hợp đang thực hiện giải quyết chính sách, chế độ do sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP nhưng cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành quyết định hưởng chính sách, chế độ thì được áp dụng chính sách, chế độ quy định tại Nghị định này.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:** Thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy gắn với tinh giảm biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả thì cần có chính sách, chế độ đặc thù để giải quyết chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã; người lao động và lực lượng vũ trang do sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp của hệ thống chính trị là thực sự cần thiết và cấp bách trong giai đoạn hiện nay.

**c) Nội dung chủ yếu:** Nghị định gồm 03 Chương, 27 Điều về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, cụ thể như sau:

- Chính sách 1: Chính sách đối với người nghỉ hưu trước tuổi

Trường hợp có tuổi đời đủ 10 năm trở xuống so với tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường và đủ 05 năm trở xuống so với tuổi nghỉ hưu trong điều kiện làm việc ở vùng đặc biệt khó khăn và đủ thời gian đóng BHXH bắt buộc để nghỉ hưu thì được hưởng 03 chế độ sau:

+ Một là, được hưởng trợ cấp hưu trí một lần cho thời gian nghỉ sớm:

(ii) Trường hợp nghỉ trong thời hạn 12 tháng thì được hưởng trợ cấp như sau: (1) Nếu có tuổi đời còn dưới 05 năm đến tuổi nghỉ hưu, được hưởng trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng nghỉ sớm; (2) Nếu có tuổi đời còn từ đủ 05 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu, được hưởng trợ cấp bằng 0,9 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng nghỉ sớm (tối đa là 60 tháng.

(iii) Trường hợp nghỉ từ tháng thứ 13 trở đi thì được hưởng bằng 0,5 mức trợ cấp của trường hợp nghỉ trong 12 tháng nêu trên (bằng 0,5 hoặc 0,45 tháng lương hiện hưởng).

+ Hai là, được hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi, gồm:

(i) Được hưởng lương hưu và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi.

(ii) Được hưởng trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, gồm: (1) Đối với người còn từ đủ 02 năm đến dưới 05 năm đến tuổi nghỉ hưu thì được trợ cấp bằng 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ sớm; (2) Đối với người còn từ đủ 05 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu thì được trợ cấp bằng 04 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu sớm.

(iii) Được hưởng trợ cấp theo thời gian công tác có trên 20 năm đóng BHXH bắt buộc.

+ Ba là, cán bộ, công chức, viên chức được nghỉ hưu trước tuổi thuộc đối tượng khen thưởng quá trình cống hiến mà còn thiếu thời gian công tác giữ chức vụ lãnh đạo tại thời điểm nghỉ hưu để được khen thưởng quá trình cống hiến thì được tính thời gian nghỉ hưu sớm tương ứng với thời gian còn lại của nhiệm kỳ bầu cử hoặc thời gian bổ nhiệm của chức vụ hiện đảm nhiệm để xét khen thưởng quá trình cống hiến theo quy định. Đối với cán bộ, công chức, viên chức không thuộc đối tượng xét khen thưởng quá trình cống hiến thì được cấp có thẩm quyền xem xét các hình thức khen thưởng phù hợp với thành tích đạt được.

- Chính sách 2: Chính sách đối với cán bộ được kéo dài thời gian công tác: Đối với cán bộ đã quá tuổi nghỉ hưu nhưng được Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định kéo dài thời gian công tác làm việc trong các cơ quan đặc thù của Đảng và Nhà nước, nếu nghỉ hưu thì được trợ cấp hưu trí một lần bằng 30 tháng tiền lương hiện hưởng và hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

- Chính sách 3: Chính sách nghỉ thôi việc đối với cán bộ, công chức: Cán bộ, công chức và cán bộ, công chức cấp xã có tuổi đời còn hơn 02 năm đến tuổi nghỉ hưu và không đủ điều kiện hưởng chính sách, chế độ nghỉ hưu trước tuổi, nếu nghỉ thôi việc thì được hưởng 04 chế độ sau:

+ Một là, được hưởng trợ cấp thôi việc như sau: (1) Trường hợp nghỉ thôi việc trong thời hạn 12 tháng thì được hưởng trợ cấp bằng 0,8 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng tính hưởng trợ cấp thôi việc; (2) Trường hợp nghỉ từ tháng thứ 13 trở đi thì được hưởng bằng 0,4 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng tính hưởng trợ cấp thôi việc (tối đa là 60 tháng).

+ Hai là, được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

+ Ba là, được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội hoặc hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

+ Bốn là, được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm.

- Chính sách 4: Chính sách nghỉ thôi việc đối với viên chức và người lao động: Viên chức và người lao động nghỉ thôi việc được hưởng 04 chế độ như cán bộ, công chức nghỉ thôi việc, chỉ khác chế độ thứ 4 thì viên chức và người lao động được hưởng trợ cấp thất nghiệp do quỹ Bảo hiểm thất nghiệp chi trả (thay cho trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm đối với cán bộ, công chức do ngân sách nhà nước chi trả).

- Chính sách 5: Chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thôi giữ chức vụ hoặc được bầu cử, bổ nhiệm vào chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý thấp hơn: Được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thấp hơn thì được bảo lưu mức lương chức vụ hoặc phụ cấp chức vụ lãnh đạo cũ đến hết nhiệm kỳ bầu cử hoặc thời hạn bổ nhiệm.

- Chính sách 6: Chính sách đối với người đi công tác ở cơ sở. Để tăng cường cán bộ, công chức, viên chức ở Trung ương, cấp tỉnh đi công tác ở cơ sở, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (thời gian 03 năm), trên cơ sở kế thừa Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 18/10/2019 của Chính phủ, Nghị định quy định 05 chế độ, gồm: (1) Được hưởng tiền lương (bao gồm cả phụ cấp) theo vị trí việc làm trước khi được cơ quan, tổ chức, đơn vị cử đi; (2) Trợ cấp lần đầu bằng 10 tháng lương cơ sở tại thời điểm nhận công tác; (3) Trường hợp có gia đình cùng đến công tác thì được trợ cấp; (4) Hàng tháng được hỗ trợ bằng 30% tháng lương hiện hưởng; (5) Trường hợp đơn vị công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; (6) Sau khi cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành nhiệm vụ tại cơ sở, được tiếp nhận trở lại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi cử đi hoặc được cơ quan có thẩm quyền bố trí công tác phù hợp với nguyện vọng; đồng thời, được hưởng các chính sách sau: (i) Được nâng lương vượt 1 bậc; (ii) Được bộ, ban, ngành và tỉnh xem xét khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng.

- Chính sách 7: Chính sách trọng dụng người có phẩm chất, năng lực nổi trội, ồm: (1) được nâng lương vượt 01 bậc; (2) được hưởng tiền thưởng do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định trong 1/2 quỹ tiền thưởng (10%); (3) được quan tâm, ưu tiên quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí vào vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả vượt cấp trên; (4) được hưởng chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Chính phủ.

- Chính sách 8: Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ, công chức sau khi sắp xếp.

- Chính sách 9: Chính sách, chế độ đối với đối tượng thuộc lực lượng vũ trang trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy): Áp dụng như đối với cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng cho phù hợp với lực lượng vũ trang.

**18. Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Thay thế, bãi bỏ quy định sau:

+ Thay thế Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ;

+ Bãi bỏ Điều 69 và Điều 70 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

*Điều khoản chuyển tiếp*

Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ được tuyển dụng và áp dụng chính sách theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP trong thời hạn 05 năm kể từ ngày có quyết định tuyển dụng. Trường hợp chính sách tương ứng quy định tại Nghị định này có lợi hơn so với quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP thì áp dụng theo quy định tại Nghị định này.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

*Cơ sở chính trị*

Các văn bản của Đảng thể hiện chủ trương thu hút, trọng dụng người có tài năng vào làm việc trong hệ thống chính trị: Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII; Nghị quyết số 26-NQ/TW; Nghị quyết số 23-NQ/TW; Nghị quyết số 28-NQ/TW; Nghị quyết số 45-NQ/TW; Kết luận số 86-KL/TW; Kết luận số 21-KL/TW.

*Cơ sở pháp lý*

+ Điều 6 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

+ Điều 10 Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

+ Bộ luật Lao động năm 2019.

+ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 31/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

*Cơ sở thực tiễn*

+ Hiệu quả thu hút, trọng dụng người có tài năng vào làm việc trong hệ thống chính trị trong thời gian qua vẫn còn những tồn tại, hạn chế nhất định: Số lượng nhân lực chất lượng cao được thu hút còn chưa nhiều, số gắn bó lâu dài trong cơ quan nhà nước còn hạn chế, có sự chuyển dịch lao động mạnh mẽ từ khu vực công sang khu vực tư; chất lượng nhân sự được thu hút có lúc, có nơi còn chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, dẫn đến lãng phí nguồn lực và chưa đạt được hiệu quả của chính sách.

+ Nhu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng xu thế toàn cầu, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

- Mục đích ban hành:

Ban hành khung chính sách đột phá, tạo cơ sở pháp lý cho việc thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo chủ trương của Đảng và bảo đảm đồng bộ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị.

**c) Nội dung chủ yếu:** Nghị định gồm 04 Chương, 24 Điều quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, cụ thể như sau:

- Phạm vi điều chỉnh:

Nghị định này quy định về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến cơ sở.

Chính sách đối với người có tài năng làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc quân đội nhân dân và công an nhân dân thực hiện theo quy định của Đảng và của pháp luật chuyên ngành.

- Đối tượng áp dụng:

+ Cán bộ, công chức (bao gồm cả cán bộ, công chức cấp xã), viên chức.

+ Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng, bao gồm:

(i) Sinh viên tốt nghiệp thủ khoa tại cơ sở giáo dục đại học ở trong nước hoặc tốt nghiệp loại giỏi tại cơ sở giáo dục đại học uy tín hàng đầu thế giới, trong độ tuổi quy định tại Điều 1 Luật Thanh niên;

(ii) Sinh viên tốt nghiệp đại học loại xuất sắc tại cơ sở giáo dục đại học ở trong nước, trong độ tuổi quy định tại Điều 1 Luật Thanh niên và đạt giải cá nhân trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông;

(iii) Người có trình độ tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp II, dược sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành y học, dược học tại cơ sở giáo dục trong nước, trong độ tuổi theo quy định của Chính phủ về việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

(iv) Chuyên gia, nhà quản lý, nhà quản trị doanh nghiệp, nhà khoa học đầu ngành là người Việt Nam hoặc là người nước ngoài, bao gồm:

* Người tốt nghiệp tiến sĩ, sau tiến sĩ từ các cơ sở đào tạo uy tín hàng đầu thế giới;
* Người đã và đang tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tại các cơ sở nghiên cứu, chương trình, dự án hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ hoặc bộ phận nghiên cứu của các doanh nghiệp uy tín ở nước ngoài, trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện tại Việt Nam;
* Chuyên gia, nhà quản lý, nhà quản trị doanh nghiệp, đã và đang làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức hàng đầu Việt Nam và quốc tế, có kinh nghiệm chuyên môn sâu rộng và thành tựu nổi bật trong lĩnh vực hoạt động, phù hợp với yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, khoa học, công nghệ hoặc các lĩnh vực trọng điểm tại Việt Nam.

- Các chính sách thu hút, trọng dụng:

+ Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ được hưởng các chính sách thu hút sau:

(i) Chính sách ưu tiên trong tuyển dụng: Áp dụng hình thức xét tuyển công chức, viên chức;

(ii) Chính sách trợ cấp thu hút lần đầu: Được hưởng phụ cấp tăng thêm bằng 150% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày tuyển dụng.

(iii) Chính sách đào tạo, bồi dưỡng: (1) Được ưu tiên tập trung bồi dưỡng theo hướng trở thành nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành của lĩnh vực phù hợp với chuyên môn công tác; (2) Được cử tham gia các khóa đào tạo tập trung trong nước, quốc tế đối với các chương trình phù hợp với ngành, nghề, lĩnh vực phù hợp với định hướng phát triển và các khóa đào tạo, bồi dưỡng khác phù hợp với đặc thù ngành, lĩnh vực, địa phương; (3) Được ưu tiên, tạo điều kiện cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, quản lý nhà nước và kiến thức chuyên ngành đáp ứng tiêu chuẩn lãnh đạo, quản lý theo chức danh được quy hoạch; tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức.

(iv) Chính sách về điều kiện làm việc, trang thiết bị làm việc: Được đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc; bố trí, sắp xếp nhân lực, vật lực để thực hiện nhiệm vụ; tiếp cận tài liệu phục vụ chuyên môn.

(v) Chính sách ưu tiên bố trí, sử dụng: (1) Được xem xét, ưu tiên lựa chọn quy hoạch, bổ nhiệm vào chức danh lãnh đạo, quản lý hoặc chuyên gia đầu ngành của các lĩnh vực công tác ở Trung ương và địa phương; (2) Những cán bộ khoa học có năng lực nghiên cứu được tập trung bồi dưỡng theo hướng trở thành nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành cho các lĩnh vực được giao chủ trì các đề tài, công trình nghiên cứu khoa học từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên; (3) Được xét nâng ngạch lên chuyên viên chính hoặc tương đương nếu trong thời hạn 05 năm kể từ khi được tuyển dụng được đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 02 năm trở lên được đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ Chuyên gia, nhà quản lý, nhà quản trị doanh nghiệp, nhà khoa học đầu ngành được hưởng các chính sách thu hút, trọng dụng sau:

(i) Được bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương ký hợp đồng lao động để triển khai nhiệm vụ, dự án, đề án cụ thể làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và được hưởng mức thù lao trên cơ sở yêu cầu công việc, năng lực, đóng góp và nguồn kinh phí thực hiện chính sách của bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương.

(ii) Chính sách ưu tiên trong tuyển dụng (chỉ áp dụng đối với người Việt Nam): Nếu có nguyện vọng công tác lâu dài tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thì được xem xét tiếp nhận vào công chức, viên chức.

(iii) Chính sách trợ cấp thu hút lần đầu (chỉ áp dụng đối với người Việt Nam): Sau khi tiếp nhận vào công chức, viên chức được bổ nhiệm, xếp lương vào ngạch, chức danh nghề nghiệp tương ứng với vị trí việc làm được bố trí (bao gồm cả chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và tương đương) và được hưởng phụ cấp tăng thêm bằng 300% mức lương hiện hưởng.

(iv) Chính sách ưu tiên bố trí, sử dụng (chỉ áp dụng đối với người Việt Nam): Được đặc cách bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý hoặc bố trí vào các vị trí việc làm có yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và tương đương.

(v) Chính sách hỗ trợ về thị thực, cư trú (chỉ áp dụng đối với người Việt Nam ở nước ngoài hoặc là người nước ngoài): Được cơ quan có thẩm quyền tạo điều kiện đơn giản hóa giấy tờ và cấp thị thực, giấy cư trú, giấy phép lao động tại Việt Nam; tạo điều kiện, hỗ trợ thành viên gia đình về thủ tục khi tìm kiếm việc làm và tuyển sinh, học tập tại các cơ sở giáo dục và đào tạo tại Việt Nam; Được cấp thị thực nhiều lần hoặc thẻ tạm trú với thời hạn tương ứng với thời gian ký kết hợp đồng lao động với cơ quan, đơn vị theo quy định tại Nghị định này (đối với cả thành viên gia đình).

(vi) Chính sách về nghỉ dưỡng: Được bố trí kỳ nghỉ dưỡng 07 ngày trong nước cùng gia đình (không quá 05 người)

+ Cán bộ, công chức, viên chức có tài năng được hưởng các chính sách trọng dụng sau:

(i) Chính sách tiến cử, công nhận cán bộ, công chức, viên chức có tài năng.

(ii) Chính sách phụ cấp tăng thêm: Được hưởng phụ cấp tăng thêm hằng tháng bằng 150% mức lương hiện hưởng.

(iii) Chính sách ưu tiên bố trí, sử dụng: (1) Được ưu tiên lựa chọn khi xem xét bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc bổ nhiệm chức danh chuyên gia cao cấp; thuộc trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định về quy hoạch, độ tuổi, thời gian giữ chức vụ tương đương khi xem xét bổ nhiệm; (2) Được cử đi học tập kinh nghiệm, nghiên cứu, trao đổi khoa học ở trong nước hoặc ở nước ngoài có liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ đảm nhận ít nhất 01 lần/năm; được chi trả toàn bộ kinh phí theo quy định trong thời gian đi học tập kinh nghiệm, nghiên cứu, trao đổi khoa học; (3) Được chủ động đề xuất tham gia các khóa bồi dưỡng, hội nghị, hội thảo quốc tế để phát huy năng lực, tài năng, đáp ứng yêu cầu nhiêm vụ; (4) Được giao chủ trì và bố trí kinh phí thực hiện các đề tài, công trình nghiên cứu khoa học từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên; (5) Được đề xuất dự toán kinh phí thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ cụ thể; được giao, quyết định việc sử dụng kinh phí; chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp có thẩm quyền việc sử dụng kinh phí được giao; Được chi trả toàn bộ chi phí theo quy định khi đi công tác, hội thảo ở trong nước và ở nước ngoài khi có liên quan trực tiếp tới việc chủ trì thực hiện chương trình, đề án, nhiệm vụ khoa học được giao.

(iii) Chính sách tôn vinh, khen thưởng: (1) Không áp dụng tỷ lệ trong xét tặng danh hiệu thi đua hoặc xét khen thưởng; (2) Được cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng đề nghị vinh danh trong các buổi lễ, chương trình tôn vinh của bộ, ngành, địa phương và của cơ quan thông tấn, báo chí có liên quan đến ngành, lĩnh vực công tác; (3) Được hưởng tiền thưởng do có thành tích được ghi nhận từ Quỹ thi đua, khen thưởng, quỹ tiền thưởng hàng năm.

(iv) Chính sách nghỉ dưỡng và phúc lợi khác: (1) Được bố trí kỳ nghỉ dưỡng 07 ngày trong nước cùng gia đình (không quá 04 người); (2) Được ưu tiên thuê nhà công vụ hoặc vay tiền mua nhà trả góp theo bảo lãnh của cơ quan, tổ chức từ Ngân hàng Chính sách xã hội với lãi suất ưu đãi theo quy định của Chính phủ; (3) Được ưu tiên cao nhất trong nhóm đối tượng cán bộ, công chức, viên chức được mua nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 12 năm 2024, Bộ Tư pháp xin thông báo./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Bộ trưởng (để báo cáo);  - Thứ trưởng Nguyễn Thanh Tịnh (để báo cáo);  - Văn phòng Chính phủ (để biết);  - Các bộ, cơ quan ngang bộ thuộc Chính phủ (để biết);  - Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải);  - Báo Điện tử Chính phủ (để đăng tải);  - Cục CNTT Bộ Tư pháp (để đăng tải);  - Báo Pháp luật Việt Nam (để đăng tải);  - Lưu: VT, VP (TT). | **TL. BỘ TRƯỞNG**  **CHÁNH VĂN PHÒNG**  **Đỗ Xuân Quý** |  |

1. Chưa bao gồm văn bản của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Ngoại giao và Bộ Xây dựng. [↑](#footnote-ref-1)
2. (i) Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của TCTD nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam (đã được sửa đổi, bổ sung) (Thông tư số 40).(ii) Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 quy định về quỹ tín dụng nhân dân (đã được sửa đổi, bổ sung) (Thông tư số 04).(iii) Thông tư số 03/2018/TT-NHNN ngày 23/02/2018 quy định về cấp Giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô (đã được sửa đổi, bổ sung) (Thông tư số 03). [↑](#footnote-ref-2)
3. Hiện nay, theo quy định của Luật Đấu giá tài sản năm 2016, Bộ Tư pháp đã xây dựng và đưa vào vận hành trang thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản. Thực hiện quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, Bộ Tư pháp xây dựng, nâng cấp trang thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản thành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia. [↑](#footnote-ref-3)
4. Đối với Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản tại khoản 3, khoản 44 Điều 1 giao Bộ Tư pháp việc xây dựng, quản lý và vận hành Cổng Đấu giá tài sản quốc gia [↑](#footnote-ref-4)
5. Thực hiện Nghị định số 47/2023/NĐ-CP, tính đến nay, Bộ Tư pháp mới nhận được tổng cộng 02 Đề án xây dựng trang thông tin đấu giá trực tuyến do tổ chức hành nghề đấu giá gửi. Tuy nhiên, 02 Đề án này còn chưa đáp ứng được yêu cầu, điều kiện theo quy định. [↑](#footnote-ref-5)